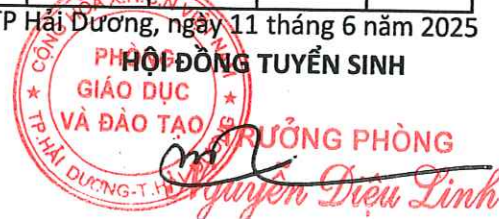


ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	0001	Đào Gia An	14/7/2014	Nam	VTS	P.01	85.75	
2	0002	Đỗ Kim An	20/5/2014	Nữ	TB	P.01	86.00	
3	0003	Đỗ Thành An	23/03/2014	Nam	TM	P.01	79.25	
4	0004	Đoàn Thiên An	19/2/2014	Nữ	AQ	P.01	80.75	
5	0005	Hà Minh Phúc An	3/2/2014	Nam	ThB	P.01	49.50	
6	0006	Hoàng Phú An	19/11/2014	Nam	NLB	P.01	65.75	
7	0007	Hoàng Thịnh An	22/02/2014	Nam	ThB	P.01	73.25	
8	0008	Lê Trường An	16/6/2014	Nam	LTT	P.01	82.00	
9	0009	Nguyễn Bảo An	31/12/2014	Nữ	ThB	P.01	66.50	
10	0010	Nguyễn Bảo An	13/10/2014	Nam	NLB	P.01	71.25	
11	0011	Nguyễn Bảo An	30/7/2014	Nam	ThB	P.01	68.50	
12	0012	Nguyễn Hoài An	23/5/2014	Nữ	TB	P.01	87.75	
13	0013	Nguyễn Khánh An	09/09/2014	Nữ	ToH	P.01	71.75	
14	0014	Nguyễn Minh An	15/07/2014	Nam	SM	P.01	85.25	
15	0015	Nguyễn Phúc An	01/11/2014	Nam	TB	P.01	63.75	
16	0016	Nguyễn Quý An	22/07/2014	Nam	BM	P.01	71.25	
17	0017	Nguyễn Thái An	13/10/2014	Nữ	TB	P.01	70.75	
18	0018	Nguyễn Thành An	18/09/2014	Nam	BM	P.01	73.75	
19	0019	Nguyễn Thành An	13/8/2014	Nam	BM	P.01	58.25	
20	0020	Nguyễn Thị An	2/1/2014	Nữ	ThB	P.01	64.25	
21	0021	Nguyễn Đình Thiên An	19/5/2014	Nam	ThB	P.01	73.50	
22	0022	Nguyễn Huy Việt An	02/12/2014	Nam	SM	P.01	62.25	
23	0023	Phạm Mỹ An	01/08/2014	Nữ	VTS	P.01	53.75	
24	0024	Phạm Lý Bảo An	16/3/2014	Nữ	VTS	P.01	80.00	
25	0025	Vũ Hoài An	3/5/2014	Nữ	CT	P.01	52.75	
26	0026	Bùi Phương Anh	26/10/2014	Nữ	HT	P.01	87.00	
27	0027	Bùi Quang Anh	2/5/2014	Nam	ThB	P.01	67.75	
28	0028	Bùi Quỳnh Anh	20/01/2014	Nữ	LTT	P.01	63.75	

TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	0029	Bùi Trâm Anh	30/10/2014	Nữ	VTS	P.02	57.00	
2	0030	Bùi Hữu Đức Anh	25/4/2014	Nam	LTT	P.02	55.00	
3	0031	Bùi Thị Huyền Anh	9/6/2014	Nữ	HT	P.02	55.00	
4	0032	Bùi Ngọc Minh Anh	28/11/2014	Nữ	VTS	P.02	66.50	
5	0033	Bùi Ngọc Trâm Anh	27/07/2014	Nữ	NLB	P.02	56.00	
6	0034	Bùi Bảo Vũ Anh	12/07/2014	Nam	BM	P.02	60.50	
7	0035	Cao Diệp Anh	14/7/2014	Nữ	HT	P.02	57.00	
8	0036	Đàm Hoàng Anh	24/10/2024	Nữ	TK	P.02	83.50	
9	0037	Đào Minh Anh	3/9/2014	Nữ	TB	P.02	81.75	
10	0038	Đinh Bảo Anh	27/04/2014	Nữ	HT	P.02	43.75	
11	0039	Đinh Hà Anh	11/03/2014	Nữ	VTS	P.02	63.75	
12	0040	Đinh Ngọc Anh	29/01/2014	Nữ	ĐVT	P.02	64.75	
13	0041	Đinh Ngọc Anh	20/11/2014	Nữ	CT	P.02	67.75	
14	0042	Đinh Thế Anh	15/05/2014	Nam	ĐQC	P.02	63.00	
15	0043	Đinh Vũ Quỳnh Anh	26/04/2014	Nữ	LTT	P.02	36.75	
16	0044	Đinh Thị Trâm Anh	01/01/2014	Nữ	VH	P.02	56.50	
17	0045	Đinh Trần Trang Anh	20/2/2014	Nữ	NT	P.02	66.75	
18	0046	Đỗ Bảo Anh	5/10/2014	Nữ	TB	P.02	80.25	
19	0047	Đỗ Huyền Anh	31/8/2014	Nữ	TM	P.02	67.75	
20	0048	Đỗ Nguyễn Duy Anh	19/12/2014	Nam	ToH	P.02	63.75	
21	0049	Đỗ Hà Quỳnh Anh	23/1/2014	Nữ	ĐQC	P.02	81.75	
22	0050	Đoàn Ngọc Anh	23/12/2014	Nữ	ToH	P.02	53.50	
23	0051	Đoàn Vũ Minh Anh	14/09/2014	Nữ	HT	P.02	53.50	
24	0052	Dương Bảo Anh	10/09/2014	Nữ	Ama	P.02	52.75	
25	0053	Hàn Ngọc Bảo Anh	07/09/2014	Nữ	VTS	P.02	63.50	
26	0054	Hoà Minh Anh	11/07/2014	Nữ	CT	P.02	77.50	
27	0055	Hoàng Diệp Anh	24/5/2014	Nữ	ThB	P.02	56.00	
28	0056	Hoàng Đức Anh	13/10/2014	Nam	ThB	P.02	54.25	

TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO PHÒNG

Nguyễn Diệp Linh

ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	0057	Hoàng Ngọc Anh	27/8/2014	Nữ	LTT	P.03	90.00	
2	0058	Hoàng Quỳnh Anh	26/12/2014	Nữ	BH	P.03	47.50	
3	0059	Lê Diệu Anh	25/09/2014	Nữ	BM	P.03	78.00	
4	0060	Lê Dương Anh	25/6/2014	Nam	ToH	P.03	73.25	
5	0061	Lê Huyền Anh	4/3/2014	Nữ	BH	P.03	60.50	
6	0062	Lê Phương Anh	16/10/2014	Nữ	NLB	P.03	63.75	
7	0063	Lê Phương Anh	09/11/2014	Nữ	CT	P.03	73.75	
8	0064	Lê Nguyễn Ngân Anh	12/02/2014	Nữ	ToH	P.03	79.00	
9	0065	Lê Khánh Tự Anh	27/7/2014	Nam	LTT	P.03	84.75	
10	0066	Lương Bảo Anh	26/06/2014	Nữ	NT	P.03	60.00	
11	0067	Lương Đức Anh	9/7/2014	Nam	NhC	P.03	64.50	
12	0068	Lương Hoàng Mỹ Anh	23/11/2014	Nữ	NgC	P.03	69.50	
13	0069	Mạc Quang Anh	12/07/2014	Nam	LTT	P.03	63.25	
14	0070	Mai Việt Anh	03/03/2014	Nam	NLB	P.03	74.75	
15	0071	Nghiêm Minh Anh	28/8/2014	Nữ	BH	P.03	78.00	
16	0072	Nguy Thị Minh Anh	10/03/2014	Nữ	TB	P.03	75.50	
17	0073	Nguyễn Bảo Anh	07/11/2014	Nữ	BH	P.03	57.00	
18	0074	Nguyễn Bảo Anh	3/12/2014	Nữ	ToH	P.03	84.25	
19	0075	Nguyễn Diệp Anh	07/05/2014	Nữ	LTT	P.03	77.50	
20	0076	Nguyễn Đức Anh	17/07/2014	Nam	NgC	P.03	57.25	
21	0077	Nguyễn Duy Anh	16/08/2014	Nam	ToH	P.03	67.25	
22	0078	Nguyễn Duy Anh	11/5/2014	Nam	LTT	P.03	70.75	
23	0079	Nguyễn Duy Anh	9/8/2014	Nam	NLB	P.03	81.50	
24	0080	Nguyễn Duy Anh	29/1/2014	Nam	TQT	P.03	75.25	
25	0081	Nguyễn Minh Anh	19/02/2014	Nữ	NT	P.03	66.00	
26	0082	Nguyễn Minh Anh	03/08/2014	Nữ	BM	P.03	71.50	
27	0083	Nguyễn Minh Anh	01/08/2014	Nữ	AT	P.03	70.00	
28	0084	Nguyễn Minh Anh	09/11/2014	Nữ	ToH	P.03	55.00	

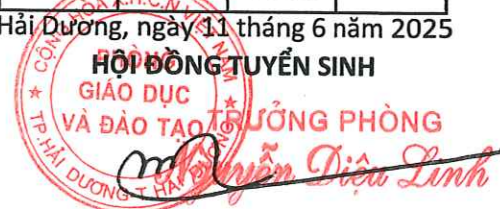
TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
VÀ ĐÀO TẠO
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HẢI DƯƠNG
Nguyễn Diệu Linh

ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	0085	Nguyễn Minh Anh	20/12/2014	Nữ	NgC	P.04	82.25	
2	0086	Nguyễn Ngọc Anh	16/05/2014	Nữ	ĐQC	P.04	72.75	
3	0087	Nguyễn Phương Anh	18/04/2014	Nữ	TB	P.04	68.25	
4	0088	Nguyễn Quang Anh	15/10/2014	Nam	ToH	P.04	64.25	
5	0089	Nguyễn Quỳnh Anh	29/03/2014	Nữ	TQT	P.04	65.00	
6	0090	Nguyễn Thế Anh	22/02/2014	Nam	ĐVT	P.04	79.50	
7	0091	Nguyễn Thùy Anh	09/08/2014	Nữ	HT	P.04	63.00	
8	0092	Nguyễn Trâm Anh	17/09/2014	Nữ	ThB	P.04	54.75	
9	0093	Nguyễn Trâm Anh	07/08/2014	Nữ	VTS	P.04	55.75	
10	0094	Nguyễn Ngọc Châu Anh	12/3/2014	Nữ	LTT	P.04	81.75	
11	0095	Nguyễn Thị Hiền Anh	8/12/2014	Nữ	ThB	P.04	63.75	
12	0096	Nguyễn Vũ Minh Anh	26/05/2014	Nữ	VTS	P.04	66.75	
13	0097	Nguyễn Vũ Nhật Anh	9/12/2014	Nữ	SM	P.04	83.75	
14	0098	Nguyễn Thị Như Anh	12/03/2014	Nữ	NLB	P.04	57.75	
15	0099	Nguyễn Danh Phúc Anh	04/08/2014	Nam	ToH	P.04	80.50	
16	0100	Nguyễn Kim Quang Anh	11/06/2014	Nam	ToH	P.04	66.50	
17	0101	Nguyễn Hoàng Trang Anh	20/7/2014	Nữ	ThB	P.04	82.00	
18	0102	Nhữ Linh Nhật Anh	18/9/2014	Nữ	NLB	P.04	81.75	
19	0103	Phạm Bảo Anh	20/10/2014	Nữ	NLB	P.04	46.50	
20	0104	Phạm Diệu Anh	11/11/2014	Nữ	BM	P.04	70.25	
21	0105	Phạm Hải Anh	12/03/2014	Nữ	TH	P.04	55.75	
22	0106	Phạm Mai Anh	27/07/2014	Nữ	VTS	P.04	73.75	
23	0107	Phạm Minh Anh	11/11/2014	Nữ	TB	P.04	75.50	
24	0108	Phạm Minh Anh	2/12/2014	Nữ	BM	P.04	75.00	
25	0109	Phạm Quỳnh Anh	07/08/2014	Nữ	VH	P.04	71.50	
26	0110	Phạm Quỳnh Anh	29/1/2014	Nữ	TM	P.04	70.00	
27	0111	Phạm Trâm Anh	30/08/2014	Nữ	ToH	P.04	62.00	
28	0112	Phạm Ngọc Bảo Anh	04/09/2014	Nữ	BM	P.04	68.00	

TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025



ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	0113	Phạm Thị Hải Anh	7/8/2014	Nữ	ĐVT	P.05	73.50	
2	0114	Phạm Khắc Hùng Anh	21/2/2014	Nam	ĐVT	P.05	67.50	
3	0115	Phạm Vũ Minh Anh	14/10/2014	Nữ	ToH	P.05	77.25	
4	0116	Thành Ngọc Trâm Anh	07/02/2014	Nữ	BM	P.05	75.75	
5	0117	Tổng Thúy Anh	21/10/2014	Nữ	LTT	P.05	78.00	
6	0118	Trần Bảo Anh	28/05/2014	Nữ	TB	P.05	75.00	
7	0119	Trần Bảo Anh	04/11/2014	Nam	NgC	P.05	74.50	
8	0120	Trần Diệu Anh	21/5/2014	Nữ	AQ	P.05	67.25	
9	0121	Trần Hải Anh	23/11/2014	Nữ	NgC	P.05	73.75	
10	0122	Trần Kiều Anh	06/05/2014	Nữ	NgC	P.05	54.00	
11	0123	Trần Quỳnh Anh	16/8/2014	Nữ	LTT	P.05	58.50	
12	0124	Trần Thuý Anh	26/04/2014	Nữ	ĐVT	P.05	62.50	
13	0125	Trần Trâm Anh	28/08/2014	Nữ	ThB	P.05	72.25	
14	0126	Trần Trang Anh	19/08/2014	Nữ	LTT	P.05	60.75	
15	0127	Trần Tú Anh	29/3/2014	Nữ	VH	P.05	79.75	
16	0128	Trần Việt Anh	30/4/2014	Nam	CT	P.05	68.75	
17	0129	Trần Nguyễn Hà Anh	25/6/2014	Nữ	NLB	P.05	71.00	
18	0130	Trần Hoàng Thùy Anh	12/06/2014	Nữ	ĐQC	P.05	38.75	
19	0131	Trịnh Hà Anh	18/03/2014	Nữ	ToH	P.05	76.00	
20	0132	Trịnh Kiều Anh	16/06/2014	Nữ	PL	P.05	51.00	
21	0133	Trịnh Thị Hải Anh	21/09/2014	Nữ	VTS	P.05	65.00	
22	0134	Trương Duy Anh	19/02/2014	Nam	CVA	P.05	50.75	
23	0135	Vũ Đức Anh	17/09/2014	Nam	ThB	P.05	54.00	
24	0136	Vũ Hải Anh	31/07/2014	Nữ	TB	P.05	33.00	
25	0137	Vũ Hồng Anh	25/11/2014	Nữ	LTT	P.05	51.50	
26	0138	Vũ Ngọc Anh	02/03/2014	Nữ	BM	P.05	49.50	
27	0139	Vũ Quang Anh	24/2/2014	Nam	ĐQC	P.05	84.50	
28	0140	Vũ Quỳnh Anh	16/1/2014	Nữ	HT	P.05	65.25	

TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025

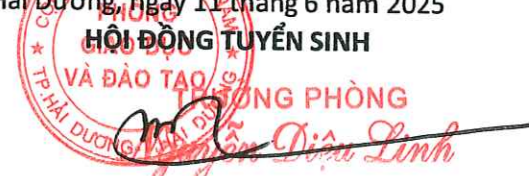


ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	0141	Vũ Quỳnh Anh	10/04/2014	Nữ	ĐQC	P.06	55.75	
2	0142	Vũ Tú Anh	26/04/2014	Nữ	TB	P.06	53.75	
3	0143	Vũ Đình Đức Anh	30/04/2014	Nam	VTS	P.06	78.75	
4	0144	Vũ Trí Đức Anh	26/10/2014	Nam	ThB	P.06	48.00	
5	0145	Vũ Ngọc Quỳnh Anh	31/12/2013	Nữ	ToH	P.06	52.25	
6	0146	Vũ Đức Tùng Anh	23/06/2014	Nam	LTT	P.06	73.75	
7	0147	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	21/10/2014	Nữ	TB	P.06	68.00	
8	0148	Nguyễn Hoàng Bách	24/11/2014	Nam	LTT	P.06	78.50	
9	0149	Bùi Gia Bảo	18/8/2014	Nam	LTT	P.06	74.50	
10	0150	Đình Gia Bảo	04/10/2014	Nam	NLB	P.06	75.00	
11	0151	Đình Gia Bảo	13/3/2014	Nam	CT	P.06	79.50	
12	0152	Đỗ Gia Bảo	1/6/2014	Nam	ToH	P.06	78.25	
13	0153	Đỗ Thế Bảo	02/04/2014	Nam	HT	P.06	59.25	
14	0154	Đoàn Duy Bảo	29/12/2014	Nam	ToH	P.06	70.25	
15	0155	Lê Hoàng Gia Bảo	27/12/2014	Nam	TB	P.06	75.50	
16	0156	Lương Đức Gia Bảo	30/12/2014	Nam	NLB	P.06	69.00	
17	0157	Nghiêm Nhật Bảo	28/08/2014	Nam	BH	P.06	54.00	
18	0158	Ngô Nhật Bảo	30/7/2014	Nam	HT	P.06	70.00	
19	0159	Nguyễn Gia Bảo	22/3/2014	Nam	ThB	P.06	71.00	
20	0160	Nguyễn Gia Bảo	24/03/2014	Nam	HT	P.06	70.00	
21	0161	Nguyễn Sỹ Bảo	16/06/2014	Nam	ToH	P.06	66.25	
22	0162	Nguyễn Đức Gia Bảo	9/9/2014	Nam	HT	P.06	69.75	
23	0163	Nguyễn Đức Gia Bảo	20/02/2014	Nam	SM	P.06	59.00	
24	0164	Phạm Thái Bảo	24/04/2014	Nam	BH	P.06	54.50	
25	0165	Phạm Phú Gia Bảo	25/03/2014	Nam	HT	P.06	54.25	
26	0166	Phùng Nguyên Bảo	27/08/2014	Nam	TB	P.06	72.50	
27	0167	Trần Gia Bảo	06/05/2014	Nam	BM	P.06	46.00	
28	0168	Trần Gia Bảo	3/1/2014	Nam	ThB	P.06	85.25	

TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

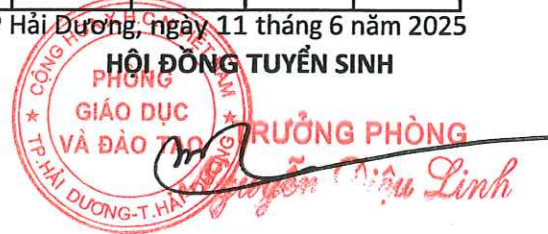


ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	0169	Trần Thế Bảo	7/7/2014	Nam	TB	P.07	63.75	
2	0170	Trương Tiểu Bảo	12/01/2014	Nam	ĐQC	P.07	50.50	
3	0171	Trương Mậu Kim Bảo	12/11/2014	Nam	ThB	P.07	76.25	
4	0172	Nguyễn Ngọc Bích	23/07/2014	Nữ	BM	P.07	69.25	
5	0173	Nguyễn Ngọc Bích	12/02/2014	Nữ	BM	P.07	55.50	
6	0174	Nguyễn Thị Ngọc Bích	9/5/2014	Nữ	SM	P.07	77.25	
7	0175	Tạ Nguyễn Ngọc Bích	30/07/2014	Nữ	LTT	P.07	72.00	
8	0176	Bùi Hữu Bình	23/2/2014	Nam	NgC	P.07	82.00	
9	0177	Đào Lâm Bình	23/12/2014	Nữ	TB	P.07	75.75	
10	0178	Dương Hải Bình	16/6/2014	Nam	TM	P.07	84.00	
11	0179	Nguyễn Anh Bình	24/11/2014	Nam	HT	P.07	64.50	
12	0180	Nguyễn Thanh Bình	27/07/2014	Nam	NgC	P.07	69.25	
13	0181	Trần Quang Bình	28/10/2014	Nam	BM	P.07	62.75	
14	0182	Vũ Hải Bình	18/12/2014	Nam	TB	P.07	66.50	
15	0183	Vũ Lương Nhật Bình	11/4/2014	Nam	VTB	P.07	80.00	
16	0184	Phạm Đức Cảnh	11/04/2014	Nam	ĐVT	P.07	57.75	
17	0185	Bùi Đại Cát	6/3/2014	Nam	LTT	P.07	85.50	
18	0186	Đặng Bảo Châu	3/6/2014	Nam	NLB	P.07	65.00	
19	0187	Đinh Bảo Châu	6/5/2014	Nữ	SM	P.07	78.25	
20	0188	Hoàng Vũ Minh Châu	25/12/2014	Nữ	SM	P.07	69.50	
21	0189	Lê Nguyễn Bảo Châu	22/10/2014	Nữ	BM	P.07	59.50	
22	0190	Lê Bảo Châu	7/8/2014	Nữ	TB	P.07	77.50	
23	0191	Lê Bảo Châu	21/07/2014	Nữ	PL	P.07	76.00	
24	0192	Nguyễn Hà Châu	17/12/2014	Nữ	HT	P.07	53.00	
25	0193	Phạm Bảo Châu	23/02/2014	Nữ	ToH	P.07	61.00	
26	0194	Phạm Thị Minh Châu	30/05/2014	Nữ	SM	P.07	82.00	
27	0195	Từ Bảo Châu	18/4/2014	Nữ	BH	P.07	74.00	
28	0196	Vương Hải Châu	28/4/2014	Nữ	HT	P.07	73.50	

TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025

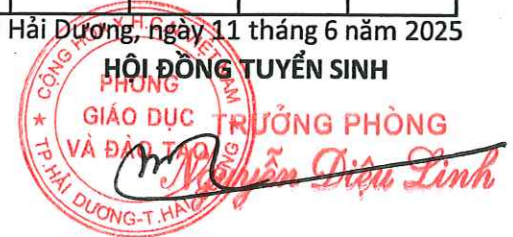
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	0197	Vương Đỗ Minh Châu	06/07/2014	Nữ	HT	P.08	63.00	
2	0198	Bùi Hà Chi	11/11/2014	Nữ	HT	P.08	85.50	
3	0199	Bùi Lan Chi	1/10/2014	Nữ	VH	P.08	70.25	
4	0200	Bùi Mai Chi	6/3/2014	Nữ	TM	P.08	73.75	
5	0201	Bùi Tổ Khánh Chi	18/4/2014	Nữ	TM	P.08	69.50	
6	0202	Cao Thị Hà Chi	17/03/2014	Nữ	TB	P.08	55.00	
7	0203	Cao Thị Linh Chi	10/05/2014	Nữ	VH	P.08	56.00	
8	0204	Đàm Linh Chi	19/11/2014	Nữ	TK	P.08	59.75	
9	0205	Đàm Thảo Chi	20/9/2014	Nữ	LH	P.08	86.00	
10	0206	Đỗ Khánh Chi	17/12/2014	Nữ	SM	P.08	61.75	
11	0207	Đỗ Quỳnh Chi	27/2/2014	Nữ	NT	P.08	69.50	
12	0208	Đoàn Yến Chi	21/11/2014	Nữ	ĐQC	P.08	52.00	
13	0209	Hà Quỳnh Chi	31/10/2014	Nữ	BM	P.08	67.50	
14	0210	Hà Thùy Chi	16/4/2014	Nữ	TB	P.08	68.00	
15	0211	Hoàng Quỳnh Chi	15/03/2014	Nữ	ToH	P.08	50.25	
16	0212	Hoàng Nguyễn Quỳnh Chi	18/02/2014	Nữ	HT	P.08	69.00	
17	0213	Khuông Quỳnh Chi	08/04/2014	Nữ	VH	P.08	78.00	
18	0214	Lê Khánh Chi	20/02/2014	Nữ	NT	P.08	43.00	
19	0215	Lê Khánh Chi	18/09/2014	Nữ	VTS	P.08	72.00	
20	0216	Lê Nguyễn Ngọc Chi	06/12/2014	Nữ	PL	P.08	62.50	
21	0217	Lương Vũ Diệp Chi	03/08/2014	Nữ	CT	P.08	70.50	
22	0218	Mạc Mai Chi	23/09/2014	Nữ	ToH	P.08	73.75	
23	0219	Nghiêm Bảo Chi	09/06/2014	Nữ	BH	P.08	60.50	
24	0220	Nghiêm Diệp Chi	26/02/2014	Nữ	BH	P.08	48.50	
25	0221	Nguyễn Thị Bảo Chi	03/05/2014	Nữ	TH	P.08	60.00	
26	0222	Nguyễn Diệp Chi	23/11/2014	Nữ	TM	P.08	47.75	
27	0223	Nguyễn Diệp Chi	25/12/2014	Nữ	NgC	P.08	70.75	
28	0224	Nguyễn Khánh Chi	29/11/2014	Nữ	TB	P.08	60.75	

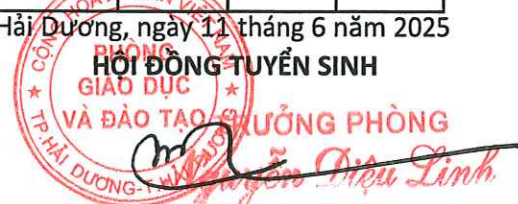
TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025



ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	0225	Nguyễn Linh Chi	15/5/2014	Nữ	ThB	P.09	79.00	
2	0226	Nguyễn Linh Chi	19/12/2014	Nữ	ThB	P.09	62.50	
3	0227	Nguyễn Linh Chi	30/07/2014	Nữ	ĐQC	P.09	49.00	
4	0228	Nguyễn Mai Chi	18/5/2014	Nữ	AQ	P.09	64.00	
5	0229	Nguyễn Mai Chi	19/5/2014	Nữ	TB	P.09	68.50	
6	0230	Nguyễn Phương Chi	07/05/2014	Nữ	SM	P.09	77.50	
7	0231	Nguyễn Quỳnh Chi	26/08/2014	Nữ	TB	P.09	74.50	
8	0232	Nguyễn Quỳnh Chi	8/11/2014	Nữ	NgC	P.09	71.75	
9	0233	Nguyễn Quỳnh Chi	03/12/2014	Nữ	ĐVT	P.09	63.75	
10	0234	Nguyễn Ngọc Quỳnh Chi	28/9/2014	Nữ	TB	P.09	67.00	
11	0235	Nguyễn Vũ Quỳnh Chi	14/9/2014	Nữ	ThB	P.09	77.50	
12	0236	Nguyễn Thị Yến Chi	19/6/2014	Nữ	CVA	P.09	68.25	
13	0237	Nguyễn Vũ Yến Chi	08/03/2014	Nữ	TB	P.09	66.00	
14	0238	Phạm Diệp Chi	1/3/2014	Nữ	ThB	P.09	69.75	
15	0239	Phạm Khánh Chi	27/3/2014	Nữ	NLB	P.09	86.25	
16	0240	Phạm Khánh Chi	17/02/2014	Nữ	GX	P.09	62.75	
17	0241	Phạm Khánh Chi	09/08/2014	Nữ	ToH	P.09	76.50	
18	0242	Phạm Phương Chi	11/08/2014	Nữ	BM	P.09	69.00	
19	0243	Phạm Quỳnh Chi	9/4/2014	Nữ	ThB	P.09	59.25	
20	0244	Phạm Quỳnh Chi	17/2/2014	Nữ	BM	P.09	80.00	
21	0245	Phạm Ngọc Quế Chi	26/08/2014	Nữ	BM	P.09	78.00	
22	0246	Phạm Thị Yến Chi	4/10/2014	Nữ	NLB	P.09	66.50	
23	0247	Quan Bảo Chi	20/12/2014	Nữ	HT	P.09	41.00	
24	0248	Trần Linh Chi	03/11/2014	Nữ	TM	P.09	36.50	
25	0249	Trịnh Hoàng Thảo Chi	16/12/2014	Nữ	ToH	P.09	64.25	
26	0250	Vũ Thị Bảo Chi	21/3/2014	Nữ	TB	P.09	81.25	
27	0251	Vũ Diệp Chi	10/06/2014	Nữ	BM	P.09	81.75	
28	0252	Vũ Linh Chi	3/5/2014	Nữ	ThB	P.09	57.25	

TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025

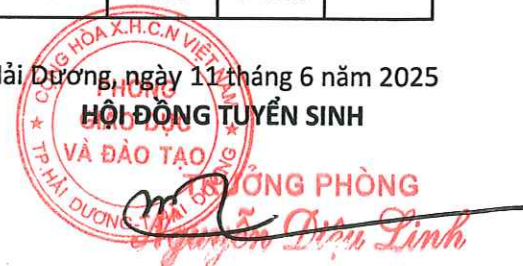


ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	0253	Vũ Phương Chi	11/10/2014	Nữ	ThB	P.10	81.25	
2	0254	Vũ Quỳnh Chi	17/06/2014	Nữ	ThB	P.10	49.25	
3	0255	Vũ Đặng Thùy Chi	01/11/2014	Nữ	TQT	P.10	57.00	
4	0256	Nguyễn Minh Chiến	9/3/2014	Nam	ThB	P.10	41.25	
5	0257	Nguyễn Chí Công	30/09/2014	Nam	VTS	P.10	87.25	
6	0258	Doãn Thế Cường	01/03/2014	Nam	SM	P.10	70.00	
7	0259	Nguyễn Quốc Cường	03/12/2014	Nam	ToH	P.10	77.75	
8	0260	Phạm Như Cường	05/12/2014	Nam	SM	P.10	63.00	
9	0261	Lê Đan	5/8/2014	Nữ	VH	P.10	64.50	
10	0262	Trần Linh Đan	25/9/2014	Nữ	VH	P.10	60.25	
11	0263	Đinh Minh Đăng	24/11/2014	Nam	AT	P.10	34.75	
12	0264	Đoàn Hải Đăng	4/8/2014	Nam	ThB	P.10	71.75	
13	0265	Nguyễn Hải Đăng	04/05/2014	Nam	ĐVT	P.10	57.00	
14	0266	Nguyễn Đức Hải Đăng	3/5/2014	Nam	TB	P.10	69.25	
15	0267	Phạm Hải Đăng	18/5/2014	Nam	TB	P.10	70.00	
16	0268	Phan Hải Đăng	1/8/2014	Nam	CVA	P.10	83.00	
17	0269	Trần Hải Đăng	09/08/2014	Nam	BM	P.10	67.50	
18	0270	Trần Hải Đăng	28/08/2014	Nam	TK	P.10	82.00	
19	0271	Vũ Hải Đăng	12/09/2014	Nam	ĐVT	P.10	63.75	
20	0272	Chu Ngọc Danh	14/1/2014	Nam	ĐVT	P.10	67.25	
21	0273	Bùi Duy Đạt	23/09/2014	Nam	ĐVT	P.10	61.75	
22	0274	Hà Mạnh Đạt	3/11/2014	Nam	BM	P.10	73.50	
23	0275	Nguyễn Quốc Đạt	24/01/2014	Nam	NT	P.10	56.25	
24	0276	Nguyễn Văn Đạt	24/05/2014	Nam	NĐ	P.10	74.50	
25	0277	Nguyễn Bá Thành Đạt	3/10/2014	Nam	NLB	P.10	71.00	
26	0278	Phạm Thành Đạt	08/11/2014	Nam	SM	P.10	79.50	
27	0279	Bùi Khả Điền	25/01/2014	Nam	HT	P.10	71.25	

TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

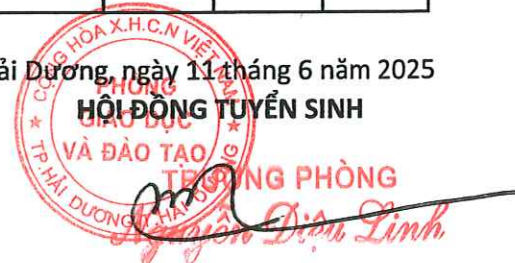


ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	0280	Đình Ngọc Diệp	23/12/2014	Nữ	BH	P.11	76.50	
2	0281	Đỗ Thu Diệp	30/03/2014	Nữ	AT	P.11	72.75	
3	0282	Hà Khuê Diệp	29/12/2014	Nữ	NgC	P.11	76.25	
4	0283	Mai Ngọc Bảo Diệp	17/12/2014	Nữ	NLB	P.11	65.25	
5	0284	Ngô Ngọc Diệp	17/3/2014	Nữ	ĐVT	P.11	82.25	
6	0285	Nguyễn Thị Bích Diệp	03/11/2014	Nữ	HT	P.11	55.50	
7	0286	Nguyễn Mỹ Diệp	28/3/2014	Nữ	ThB	P.11	65.00	
8	0287	Nguyễn Ngọc Diệp	25/03/2014	Nữ	BM	P.11	63.25	
9	0288	Nguyễn Ngọc Diệp	26/2/2014	Nữ	SM	P.11	77.75	
10	0289	Nguyễn Ngọc Diệp	07/04/2014	Nữ	SM	P.11	80.00	
11	0290	Phạm Ngọc Diệp	13/11/2014	Nữ	BM	P.11	59.25	
12	0291	Triệu Ngọc Diệp	30/11/2014	Nữ	TB	P.11	63.75	
13	0292	Vũ Ngọc Diệp	17/07/2014	Nữ	ThB	P.11	61.75	
14	0293	Vũ Ngọc Diệp	04/05/2014	Nữ	TK	P.11	58.75	
15	0294	Vũ Như Diệp	23/5/2014	Nữ	NLB	P.11	71.25	
16	0295	Hoàng Nguyên Doanh	10/05/2014	Nam	CVA	P.11	74.75	
17	0296	Phạm Phú Doanh	24/08/2014	Nam	HT	P.11	55.50	
18	0297	Vũ Phương Đông	03/06/2014	Nam	HT	P.11	73.00	
19	0298	Vũ Thành Đông	11/2/2014	Nam	TM	P.11	79.75	
20	0299	Đình Quang Đức	25/10/2014	Nam	LTT	P.11	65.25	
21	0300	Đỗ Gia Đức	07/11/2014	Nam	NS	P.11	73.00	
22	0301	Đoàn Minh Đức	02/08/2014	Nam	HT	P.11	79.00	
23	0302	Nguyễn Bảo Đức	26/07/2014	Nam	SM	P.11	66.75	
24	0303	Nguyễn Đình Đức	09/02/2014	Nam	HT	P.11	84.00	
25	0304	Nguyễn Hoàng Đức	15/4/2014	Nam	ThB	P.11	74.00	
26	0305	Nguyễn Trọng Đức	11/01/2014	Nam	NgC	P.11	64.00	
27	0306	Nguyễn Việt Đức	20/08/2014	Nam	TB	P.11	66.25	

TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	0307	Nguyễn Danh Minh Đức	21/9/2014	Nam	SM	P.12	75.75	
2	0308	Phạm Anh Đức	17/05/2014	Nam	VTS	P.12	45.75	
3	0309	Tạ Minh Đức	19/02/2014	Nam	ĐQC	P.12	44.75	
4	0310	Vũ Trung Đức	03/12/2014	Nam	ThB	P.12	55.25	
5	0311	Ngô Ngọc Dung	23/11/2014	Nữ	VH	P.12	57.50	
6	0312	Nguyễn Khuê Dung	11/09/2014	Nữ	ĐQC	P.12	41.75	
7	0313	Nguyễn Thị Kim Dung	15/10/2014	Nữ	VH	P.12	76.25	
8	0314	Vũ Kim Dung	25/12/2014	Nữ	ĐVT	P.12	70.25	
9	0315	Đỗ Chí Dũng	17/08/2014	Nam	HT	P.12	84.50	
10	0316	Đoàn Đức Dũng	12/07/2014	Nam	NgC	P.12	80.00	
11	0317	Đoàn Mạnh Dũng	17/08/2014	Nam	BM	P.12	75.50	
12	0318	Hoàng Anh Dũng	11/03/2014	Nam	TK	P.12	74.25	
13	0319	Lê Quang Dũng	18/3/2014	Nam	NgC	P.12	56.00	
14	0320	Lê Tiến Dũng	15/5/2014	Nam	VH	P.12	58.00	
15	0321	Lưu Quang Dũng	10/08/2014	Nam	HT	P.12	76.00	
16	0322	Nguyễn Anh Dũng	28/4/2014	Nam	HT	P.12	67.75	
17	0323	Nguyễn Anh Dũng	06/10/2014	Nam	ToH	P.12	77.50	
18	0324	Nguyễn Lâm Dũng	26/1/2014	Nam	ThB	P.12	61.75	
19	0325	Nguyễn Lân Dũng	19/5/2014	Nam	TB	P.12	80.50	
20	0326	Nguyễn Tuấn Dũng	24/01/2014	Nam	SM	P.12	82.50	
21	0327	Nguyễn Lê Quốc Dũng	19/9/2014	Nam	LTT	P.12	78.25	
22	0328	Phạm Văn Dũng	12/2/2014	Nam	LH	P.12	52.50	
23	0329	Phan Nhật Minh Dũng	17/9/2014	Nam	NT	P.12	76.25	
24	0330	Trần Mạnh Dũng	20/3/2014	Nam	ThB	P.12	72.50	
25	0331	Bùi Thùy Dương	26/04/2014	Nữ	NLB	P.12	57.25	
26	0332	Chu Thị Ánh Dương	21/01/2014	Nữ	PL	P.12	71.00	
27	0333	Lê Thuỳ Dương	31/12/2014	Nữ	TB	P.12	82.50	

TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG PHÒNG
Nguyễn Thị Linh

ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	0334	Nguyễn Bằng Dương	19/1/2014	Nam	TB	P.13	80.50	
2	0335	Nguyễn Thủy Dương	12/07/2014	Nữ	TM	P.13	76.50	
3	0336	Nguyễn Thủy Dương	06/10/2014	Nữ	NLB	P.13	76.50	
4	0337	Nguyễn Thủy Dương	16/01/2014	Nữ	HT	P.13	79.75	
5	0338	Phạm Ngân Dương	20/01/2014	Nữ	SM	P.13	90.00	
6	0339	Phạm Triệu Dương	19/08/2014	Nam	LTT	P.13	73.75	
7	0340	Phạm Triệu Dương	11/09/2014	Nam	HT	P.13	67.50	
8	0341	Trần Hoàng Dương	08/03/2014	Nam	NT	P.13	54.25	
9	0342	Trần Tùng Dương	26/01/2014	Nam	SM	P.13	76.75	
10	0343	Vũ Thủy Dương	09/12/2014	Nữ	ĐVT	P.13	45.25	
11	0344	Vũ Đức Tuấn Dương	31/12/2014	Nam	ToH	P.13	66.50	
12	0345	Đặng Công Duy	4/8/2014	Nam	ToH	P.13	83.25	
13	0346	Đỗ Khánh Duy	15/05/2014	Nam	TH	P.13	63.00	
14	0347	Nguyễn Đức Duy	19/6/2014	Nam	ThB	P.13	62.50	
15	0348	Nguyễn Nhật Duy	02/02/2014	Nam	CT	P.13	51.50	
16	0349	Nguyễn Nhật Duy	14/09/2014	Nam	NgC	P.13	72.25	
17	0350	Vũ Công Duy	04/07/2014	Nam	VTs	P.13	68.50	
18	0351	Lê Thu Giang	29/09/2014	Nữ	LTT	P.13	74.50	
19	0352	Lưu Hương Giang	27/12/2014	Nữ	ĐVT	P.13	64.50	
20	0353	Nguyễn Hương Giang	9/2/2014	Nữ	ThB	P.13	43.75	
21	0354	Nguyễn Thiên Giang	09/10/2014	Nữ	NT	P.13	87.75	
22	0355	Nguyễn Đức Trường Giang	16/10/2014	Nam	TB	P.13	73.25	
23	0356	Phạm Hương Giang	10/8/2014	Nữ	NT	P.13	80.00	
24	0357	Vũ Hương Giang	20/11/2014	Nữ	ĐVT	P.13	75.50	
25	0358	Bùi Ngọc Hà	07/08/2014	Nữ	ToH	P.13	78.50	
26	0359	Đặng Ngọc Hà	22/11/2014	Nữ	SM	P.13	80.00	
27	0360	Đào Ngọc Hà	14/2/2014	Nữ	AQ	P.13	71.00	

TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025

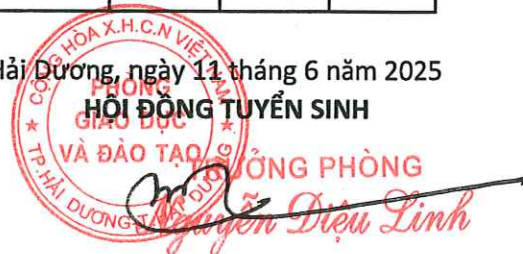


ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	0361	Khương Bảo Hà	17/11/2014	Nữ	TB	P.14	74.50	
2	0362	Lê Khánh Hà	07/10/2014	Nữ	BM	P.14	72.00	
3	0363	Nguyễn Bảo Hà	01/01/2014	Nữ	HT	P.14	52.50	
4	0364	Nguyễn Ngọc Hà	14/08/2014	Nữ	TK	P.14	73.50	
5	0365	Phạm Ngọc Hà	18/11/2014	Nữ	TB	P.14	70.75	
6	0366	Phạm Nguyệt Hà	06/06/2014	Nữ	BM	P.14	72.25	
7	0367	Tiêu Vũ Nguyệt Hà	12/2/2014	Nữ	NLB	P.14	73.50	
8	0368	Trần Bảo Hà	9/8/2014	Nữ	ĐVT	P.14	65.00	
9	0369	Trần Khánh Hà	9/8/2014	Nữ	ĐVT	P.14	61.50	
10	0370	Vũ Bảo Hà	11/1/2014	Nữ	HT	P.14	86.00	
11	0371	Vũ Thị Thu Hà	12/9/2014	Nữ	LTT	P.14	88.25	
12	0372	Bùi Hoàng Hạ	15/11/2014	Nữ	NT	P.14	79.50	
13	0373	Nguyễn Nhật Hạ	08/07/2014	Nữ	NĐ	P.14	71.75	
14	0374	Nguyễn Đức Hải	25/02/2014	Nam	TQT	P.14	57.00	
15	0375	Nguyễn Hoàng Hải	27/6/2014	Nam	ThB	P.14	78.50	
16	0376	Bùi Gia Hân	26/11/2014	Nữ	TQT	P.14	61.50	
17	0377	Đoàn Ngọc Gia Hân	20/01/2014	Nữ	BH	P.14	59.50	
18	0378	Hứa Gia Hân	17/12/2014	Nữ	SM	P.14	68.50	
19	0379	Lê Ngọc Hân	01/12/2014	Nữ	BM	P.14	64.25	
20	0380	Lê Ngọc Hân	8/8/2014	Nữ	NhC	P.14	61.75	
21	0381	Lê Đào Ngọc Hân	25/04/2014	Nữ	LTT	P.14	71.50	
22	0382	Nguyễn Bùi Bảo Hân	17/05/2014	Nữ	HT	P.14	76.75	
23	0383	Nguyễn Thị Gia Hân	4/7/2014	Nữ	NT	P.14	74.50	
24	0384	Nguyễn Ngọc Hân	03/06/2014	Nữ	BH	P.14	63.75	
25	0385	Phạm Gia Hân	26/02/2014	Nữ	CVA	P.14	71.50	
26	0386	Phan Ngọc Hân	25/04/2014	Nam	TH	P.14	54.50	
27	0387	Trần Gia Hân	31/03/2014	Nữ	SM	P.14	56.25	

TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	0388	Trương Diệu Hân	22/12/2014	Nữ	NT	P.15	59.50	
2	0389	Nguyễn Lê Hằng	17/01/2014	Nữ	SM	P.15	73.00	
3	0390	Trần Minh Hằng	10/9/2014	Nữ	TB	P.15	72.00	
4	0391	Vũ Thị Minh Hằng	03/03/2014	Nữ	CT	P.15	56.50	
5	0392	Nguyễn Mai Hiền	09/01/2014	Nữ	HT	P.15	80.50	
6	0393	Đặng Minh Hiền	05/06/2014	Nam	TB	P.15	48.50	
7	0394	Đỗ Quang Hiền	17/01/2014	Nam	LTT	P.15	47.00	
8	0395	Lê Quý Hiền	8/1/2014	Nam	TK	P.15	67.50	
9	0396	Nghiêm Công Vinh Hiền	06/08/2014	Nam	ĐVT	P.15	67.25	
10	0397	Phạm Minh Hiền	04/10/2014	Nam	LTT	P.15	55.00	
11	0398	Phạm Minh Hiền	6/6/2014	Nam	ToH	P.15	82.50	
12	0399	Phạm Minh Hiền	19/10/2014	Nam	NLB	P.15	55.50	
13	0400	Phạm Phú Hiền	05/05/2014	Nam	NT	P.15	75.25	
14	0401	Trần Nguyên Hiền	04/06/2014	Nam	BM	P.15	53.75	
15	0402	Lê Hữu Tuấn Hiệp	20/09/2014	Nam	VTS	P.15	67.00	
16	0403	Đinh Đức Hiếu	8/5/2014	Nam	BM	P.15	72.50	
17	0404	Đỗ Chí Hiếu	29/03/2014	Nam	SM	P.15	84.00	
18	0405	Dương Trung Hiếu	5/6/2014	Nam	NT	P.15	68.50	
19	0406	Lê Đình Hiếu	22/02/2014	Nam	CT	P.15	67.75	
20	0407	Lê Minh Hiếu	12/5/2014	Nam	VTS	P.15	43.00	
21	0408	Lê Đoàn Minh Hiếu	05/07/2014	Nam	LTT	P.15	62.50	
22	0409	Lương Ngọc Hiếu	09/10/2014	Nam	BM	P.15	63.00	
23	0410	Nguyễn Đăng Hiếu	04/09/2014	Nam	BM	P.15	73.50	
24	0411	Nguyễn Hưng Hiếu	01/09/2014	Nam	ToH	P.15	76.50	
25	0412	Nguyễn Huy Hiếu	7/12/2014	Nam	ToH	P.15	66.00	
26	0413	Nguyễn Trung Hiếu	02/07/2014	Nam	BM	P.15	58.00	
27	0414	Nguyễn Trung Hiếu	30/08/2014	Nam	HT	P.15	66.00	

TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025



ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	0415	Phạm Sỹ Hiếu	09/07/2014	Nam	ToH	P.16	70.00	
2	0416	Vũ Ngọc Hiếu	01/02/2014	Nam	CVA	P.16	59.50	
3	0417	Nguyễn Minh Hòa	07/05/2014	Nam	BM	P.16	73.50	
4	0418	Nguyễn Nhật Hòa	11/9/2014	Nam	HT	P.16	74.00	
5	0419	Tăng Đức Hoàn	25/1/2014	Nam	TK	P.16	80.00	
6	0420	Đào Minh Hoàng	08/02/2014	Nam	ThB	P.16	76.00	
7	0421	Lê Minh Hoàng	16/9/2014	Nam	ĐVT	P.16	75.00	
8	0422	Nguyễn Vũ Hoàng	29/12/2014	Nam	NT	P.16	50.50	
9	0423	Vũ Minh Hoàng	06/05/2014	Nam	NLB	P.16	77.00	
10	0424	Bùi Đức Hùng	4/6/2014	Nam	BM	P.16	86.50	
11	0425	Đào Đức Hùng	18/2/2014	Nam	ThB	P.16	85.50	
12	0426	Đinh Mạnh Hùng	12/1/2014	Nam	CT	P.16	77.50	
13	0427	Nguyễn Mạnh Hùng	15/05/2014	Nam	TQT	P.16	76.00	
14	0428	Nguyễn Vũ Tuấn Hùng	05/01/2014	Nam	CT	P.16	69.00	
15	0429	Trương Mạnh Hùng	06/12/2014	Nam	NT	P.16	45.50	
16	0430	Đặng Gia Hưng	16/8/2014	Nam	VTS	P.16	73.00	
17	0431	Hà Duy Hưng	4/4/2014	Nam	ThB	P.16	71.75	
18	0432	Lương Đức Hưng	10/01/2014	Nam	CVA	P.16	61.00	
19	0433	Ngô Đức Phúc Hưng	27/1/2014	Nam	ToH	P.16	69.75	
20	0434	Nguyễn Đăng Hưng	20/04/2014	Nam	BM	P.16	51.75	
21	0435	Nguyễn Gia Hưng	9/1/2014	Nam	TB	P.16	68.50	
22	0436	Nguyễn Khánh Hưng	27/2/2014	Nam	NLB	P.16	83.00	
23	0437	Nguyễn Phúc Hưng	28/8/2014	Nam	VH	P.16	73.00	
24	0438	Nguyễn Quang Hưng	27/8/2014	Nam	NgC	P.16	62.00	
25	0439	Nguyễn Thành Hưng	4/12/2014	Nam	ThB	P.16	49.00	
26	0440	Phạm Việt Hưng	24/02/2014	Nam	TH	P.16	67.00	
27	0441	Trần Duy Hưng	14/01/2014	Nam	LTT	P.16	82.75	

TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025



ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	0442	Lê Thị Diễm Hương	26/1/2014	Nữ	ĐVT	P.17	66.75	
2	0443	Nguyễn Quỳnh Hương	05/05/2014	Nữ	SM	P.17	73.25	
3	0444	Nguyễn Thu Hương	28/08/2014	Nữ	BM	P.17	61.50	
4	0445	Phạm Quỳnh Hương	18/12/2014	Nữ	HT	P.17	56.25	
5	0446	Cao Khánh Huy	2/9/2014	Nam	TB	P.17	82.00	
6	0447	Đàm Minh Huy	21/3/2014	Nam	NLB	P.17	70.50	
7	0448	Đỗ Gia Huy	25/09/2014	Nam	LTT	P.17	43.50	
8	0449	Đỗ Gia Huy	17/01/2014	Nam	TB	P.17	71.25	
9	0450	Đoàn Trần Gia Huy	15/09/2014	Nam	VTs	P.17	54.75	
10	0451	Lê Đình Khánh Huy	13/12/2014	Nam	ToH	P.17	81.50	
11	0452	Ngô Gia Huy	27/2/2014	Nam	VH	P.17	58.75	
12	0453	Nguyễn Trọng Gia Huy	02/05/2014	Nam	PL	P.17	68.00	
13	0454	Nguyễn Anh Huy	28/3/2014	Nam	CT	P.17	73.75	
14	0455	Nguyễn Gia Huy	29/11/2014	Nam	ThB	P.17	43.00	
15	0456	Nguyễn Gia Huy	14/11/2014	Nam	SM	P.17	81.00	
16	0457	Nguyễn Nhật Huy	02/08/2014	Nam	BH	P.17	71.75	
17	0458	Nguyễn Quang Huy	04/12/2014	Nam	SM	P.17	73.75	
18	0459	Nguyễn Tiến Huy	17/12/2014	Nam	NLB	P.17	71.00	
19	0460	Nguyễn Đăng Minh Huy	12/6/2014	Nam	ThB	P.17	63.25	
20	0461	Phạm Đình Gia Huy	14/9/2014	Nam	LTT	P.17	81.75	
21	0462	Phạm Gia Huy	19/12/2014	Nam	NT	P.17	53.75	
22	0463	Phạm Văn Nhật Huy	13/10/2014	Nam	TK	P.17	65.00	
23	0464	Trịnh Thiên Gia Huy	2/3/2014	Nam	TH	P.17	62.00	
24	0465	Vũ Gia Huy	01/12/2014	Nam	VTs	P.17	53.25	
25	0466	Vũ Quang Huy	15/3/2014	Nam	TM	P.17	65.00	
26	0467	Nguyễn Hữu Huyền	18/04/2014	Nam	LTT	P.17	61.00	
27	0468	Bùi Phương Huyền	16/10/2014	Nữ	ĐVT	P.17	73.50	

TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025



ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	0469	Đồng Nguyễn Khánh Huyền	14/04/2014	Nữ	NLB	P.18	42.75	
2	0470	Dương Thị Khánh Huyền	20/09/2014	Nữ	NLB	P.18	66.50	
3	0471	Nguyễn Khánh Huyền	10/11/2014	Nữ	ĐVT	P.18	57.25	
4	0472	Lê Thế Khải	09/09/2014	Nam	HT	P.18	52.50	
5	0473	Chu Ngọc Khang	16/04/2014	Nam	LTT	P.18	64.75	
6	0474	Lê Minh Khang	8/5/2014	Nam	TB	P.18	73.25	
7	0475	Ngô Minh Khang	29/11/2014	Nam	NT	P.18	66.25	
8	0476	Nguyễn Bảo Khang	12/06/2014	Nam	ThB	P.18	70.75	
9	0477	Nguyễn Minh Khang	18/11/2014	Nam	BM	P.18	64.25	
10	0478	Nguyễn Minh Khang	22/8/2014	Nam	LTT	P.18	79.75	
11	0479	Nguyễn Minh Khang	21/11/2014	Nam	ThB	P.18	77.00	
12	0480	Nguyễn Minh Khang	03/10/2014	Nam	ĐQC	P.18	69.75	
13	0481	Nguyễn Đức Nguyên Khang	26/03/2014	Nam	BM	P.18	69.50	
14	0482	Phạm Bảo Khang	13/3/2014	Nam	LH	P.18	55.75	
15	0483	Phạm Minh Khang	7/5/2014	Nam	TK	P.18	76.25	
16	0484	Phùng Minh Khang	11/9/2014	Nam	ThB	P.18	46.75	
17	0485	Trần Bảo Khang	5/10/2014	Nam	BM	P.18	82.00	
18	0486	Trần Vĩnh Khang	16/06/2014	Nam	VTS	P.18	63.50	
19	0487	Vũ Minh Khang	31/10/2014	Nam	HT	P.18	86.50	
20	0488	Bùi Phú Khánh	06/11/2014	Nam	LTT	P.18	70.00	
21	0489	Bùi Nguyễn Vân Khánh	16/01/2014	Nữ	BH	P.18	71.50	
22	0490	Đặng Trọng Khánh	24/4/2014	Nam	ThB	P.18	81.75	
23	0491	Đặng Vũ Ngân Khánh	23/04/2014	Nữ	VTS	P.18	77.25	
24	0492	Hoàng Ngọc Khánh	04/03/2014	Nữ	NĐ	P.18	90.75	
25	0493	Hoàng Sĩ Khánh	12/12/2014	Nam	TH	P.18	67.00	
26	0494	Lê Thị Bảo Khánh	29/10/2014	Nữ	ThB	P.18	80.25	
27	0495	Lê Khánh	10/09/2014	nam	CT	P.18	74.50	

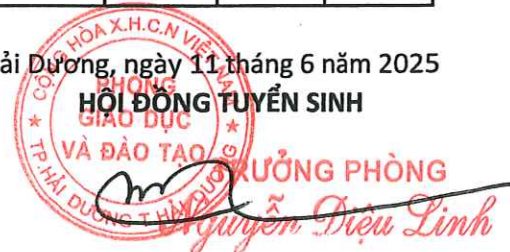
TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025



ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	0496	Lý Duy Khánh	18/5/2014	Nam	NLB	P.19	82.75	
2	0497	Nguyễn Bảo Khánh	10/5/2014	Nam	VTs	P.19	86.00	
3	0498	Nguyễn Bảo Khánh	21/11/2014	Nữ	ToH	P.19	71.50	
4	0499	Nguyễn Kim Khánh	22/08/2014	Nữ	TQT	P.19	83.00	
5	0500	Nguyễn Quang Khánh	06/01/2014	Nam	SM	P.19	68.50	
6	0501	Phạm Dương Khánh	15/09/2014	Nam	BM	P.19	76.50	
7	0502	Phạm Hiểu Khánh	15/6/2014	Nữ	ThB	P.19	81.00	
8	0503	Phạm Quốc Khánh	11/12/2014	Nam	TB	P.19	60.00	
9	0504	Tăng Văn Khánh	15/01/2014	Nữ	TK	P.19	55.25	
10	0505	Trần Đỗ Ngân Khánh	18/11/2014	Nữ	NgC	P.19	73.50	
11	0506	Vũ Huy Khánh	08/12/2014	Nam	VTs	P.19	74.50	
12	0507	Vũ Minh Khánh	1/8/2014	Nam	TM	P.19	49.00	
13	0508	Vũ Nguyên Khánh	28/1/2014	Nam	TB	P.19	84.50	
14	0509	Vũ Lê Nam Khánh	24/1/2014	Nam	TB	P.19	73.00	
15	0510	Bùi Mạnh Khoa	04/07/2014	Nam	ThB	P.19	70.25	
16	0511	Đinh Công Khoa	10/10/2014	Nam	VTs	P.19	85.00	
17	0512	Nguyễn Đức Anh Khoa	17/02/2014	Nam	BM	P.19	75.50	
18	0513	Nguyễn Phạm Anh Khoa	23/06/2014	Nam	BM	P.19	60.50	
19	0514	Nguyễn Anh Khoa	7/7/2014	Nam	ThB	P.19	77.50	
20	0515	Nguyễn Anh Khoa	3/9/2014	Nam	TB	P.19	80.00	
21	0516	Nguyễn Đăng Khoa	30/11/2014	Nam	LTT	P.19	59.00	
22	0517	Nguyễn Bùi Tuấn Khoa	28/8/2014	Nam	SM	P.19	86.50	
23	0518	Phạm Đăng Khoa	13/11/2014	Nam	TK	P.19	81.25	
24	0519	Phạm Đăng Khoa	24/12/2014	Nam	NgC	P.19	62.50	
25	0520	Phí Vũ Đăng Khoa	27/2/2014	Nam	CT	P.19	82.50	
26	0521	Nguyễn Minh Khôi	20/02/2014	Nam	ThB	P.19	46.00	
27	0522	Nguyễn Lê Minh Khôi	6/5/2014	Nam	VTs	P.19	88.25	

TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025



ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	0523	Phạm Minh Khôi	24/11/2014	Nam	VH	P.20	73.00	
2	0524	Nguyễn Ngọc Minh Khuê	30/07/2014	Nữ	VTS	P.20	72.50	
3	0525	Hà Trung Kiên	22/12/2014	Nam	NLB	P.20	57.50	
4	0526	Hoàng Trung Kiên	10/2/2014	Nam	LTT	P.20	75.00	
5	0527	Lê Hoàng Kiên	25/05/2014	Nam	TB	P.20	64.50	
6	0528	Nguyễn Đức Kiên	12/08/2014	Nam	BM	P.20	63.75	
7	0529	Nguyễn Trung Kiên	11/07/2014	Nam	HT	P.20	64.00	
8	0530	Phạm Trung Kiên	05/07/2014	Nam	ToH	P.20	73.75	
9	0531	Phạm Trung Kiên	06/07/2014	Nam	NgC	P.20	73.50	
10	0532	Bùi Tuấn Kiệt	24/8/2014	Nam	VTS	P.20	83.75	
11	0533	Hồ Tấn Kiệt	7/2/2014	Nam	BM	P.20	78.00	
12	0534	Nguyễn Tuấn Kiệt	18/1/2014	Nam	BM	P.20	59.50	
13	0535	Nguyễn Tuấn Kiệt	07/10/2014	Nam	ThB	P.20	51.50	
14	0536	Phạm Tuấn Kiệt	06/04/2014	Nam	HT	P.20	86.50	
15	0537	Tạ Khải Kiệt	25/7/2014	Nam	ThB	P.20	76.75	
16	0538	Trần Quang Kiệt	24/8/2014	Nam	SM	P.20	78.75	
17	0539	Vũ Tuấn Kiệt	28/3/2014	Nam	TQT	P.20	73.50	
18	0540	Trần Đoàn Thiên Kim	19/8/2014	Nữ	TB	P.20	64.50	
19	0541	Đặng Duy Lâm	20/08/2014	Nam	TB	P.20	62.75	
20	0542	Đinh Nguyễn Tùng Lâm	5/2/2014	Nam	CT	P.20	64.25	
21	0543	Đỗ Phúc Lâm	13/09/2014	Nam	ThB	P.20	63.00	
22	0544	Đỗ Tùng Lâm	11/10/2014	Nam	ThB	P.20	64.75	
23	0545	Dương Tùng Lâm	21/01/2014	Nam	NgC	P.20	57.75	
24	0546	Hà Nhật Lâm	4/7/2014	Nam	ThB	P.20	81.50	
25	0547	Lê Tùng Lâm	01/07/2014	Nam	BM	P.20	49.00	
26	0548	Lương Đặng Tùng Lâm	02/03/2014	Nam	BM	P.20	68.50	
27	0549	Mạc Bảo Lâm	16/10/2014	Nam	HT	P.20	62.00	

TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP HẢI DƯƠNG
TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Diệu Linh

ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	0550	Nguyễn Đức Hải Lâm	9/6/2014	Nam	TB	P.21	58.75	
2	0551	Nguyễn Văn Hải Lâm	29/12/2014	Nam	NT	P.21	75.25	
3	0552	Nguyễn Minh Lâm	11/11/2014	Nam	ToH	P.21	64.00	
4	0553	Nguyễn Ngọc Lâm	22/10/2014	Nam	HT	P.21	53.75	
5	0554	Nguyễn Tùng Lâm	2/9/2014	Nam	CVA	P.21	62.75	
6	0555	Phạm Tùng Lâm	27/04/2014	Nam	ĐVT	P.21	68.00	
7	0556	Trần Bảo Lâm	05/10/2014	Nam	BM	P.21	50.25	
8	0557	Vũ Bảo Lâm	02/01/2014	Nam	ThB	P.21	55.50	
9	0558	Nhữ Bảo Lan	22/07/2014	Nữ	BM	P.21	65.50	
10	0559	Trần Nguyên Lân	09/08/2014	Nam	BM	P.21	76.50	
11	0560	Bùi Phương Linh	06/07/2014	Nữ	TM	P.21	70.50	
12	0561	Bùi Nguyễn Mỹ Linh	15/6/2014	Nữ	BM	P.21	75.50	
13	0562	Cao Nhật Linh	18/9/2014	Nữ	NLB	P.21	77.00	
14	0563	Cao Phương Linh	27/08/2014	Nữ	ToH	P.21	84.00	
15	0564	Chữ Thị Hà Linh	19/02/2014	Nữ	TB	P.21	74.50	
16	0565	Chữ Thực Linh	6/12/2014	Nữ	BM	P.21	71.00	
17	0566	Đào Tùng Linh	20/10/2014	Nam	TM	P.21	72.50	
18	0567	Đinh Bảo Linh	28/2/2014	Nữ	LTT	P.21	47.50	
19	0568	Đinh Nguyễn Trúc Linh	01/01/2014	Nữ	VTs	P.21	69.50	
20	0569	Đỗ Trần Phương Linh	22/12/2014	Nữ	TB	P.21	69.50	
21	0570	Đỗ Nguyễn Thảo Linh	08/04/2014	Nữ	TB	P.21	57.50	
22	0571	Đoàn Gia Linh	16/11/2014	Nữ	HT	P.21	48.50	
23	0572	Hồ Ngọc Linh	24/03/2014	Nữ	ĐQC	P.21	56.50	
24	0573	Hoàng Vũ Gia Linh	31/7/2014	Nữ	ĐQC	P.21	54.00	
25	0574	Hoàng Hà Linh	30/5/2014	Nữ	ThB	P.21	62.00	
26	0575	Hoàng Khánh Linh	2/1/2014	Nữ	ThB	P.21	71.25	
27	0576	Hoàng Phương Linh	17/03/2014	Nữ	BM	P.21	73.00	

TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025



ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	0577	Lê Văn Linh	17/8/2014	Nam	LTT	P.22	67.00	
2	0578	Lưu Khánh Linh	21/04/2014	Nữ	NLB	P.22	64.50	
3	0579	Nghiêm Thị Khánh Linh	01/02/2014	Nữ	BH	P.22	67.00	
4	0580	Nghiêm Bảo Linh	09/06/2014	Nữ	BH	P.22	56.50	
5	0581	Ngô Thuỳ Linh	14/10/2014	Nữ	TB	P.22	58.00	
6	0582	Nguyễn Thị Gia Linh	16/06/2014	Nữ	NT	P.22	62.00	
7	0583	Nguyễn Thị Hải Linh	09/05/2014	Nữ	VTB	P.22	73.75	
8	0584	Nguyễn Hoàng Khánh Linh	17/03/2014	Nữ	NLB	P.22	80.50	
9	0585	Nguyễn Bảo Linh	19/03/2014	Nữ	BM	P.22	48.50	
10	0586	Nguyễn Bảo Linh	14/02/2014	Nữ	ToH	P.22	86.00	
11	0587	Nguyễn Diệu Linh	20/10/2014	Nữ	NLB	P.22	58.50	
12	0588	Nguyễn Gia Linh	7/1/2014	Nữ	ThB	P.22	76.00	
13	0589	Nguyễn Gia Linh	13/4/2014	Nữ	NT	P.22	58.25	
14	0590	Nguyễn Hà Linh	09/05/2014	Nữ	TB	P.22	69.50	
15	0591	Nguyễn Khánh Linh	30/09/2014	Nữ	LTT	P.22	84.00	
16	0592	Nguyễn Khánh Linh	18/3/2014	Nữ	NT	P.22	82.00	
17	0593	Nguyễn Khánh Linh	14/12/2014	Nữ	ĐVT	P.22	61.00	
18	0594	Nguyễn Khánh Linh	01/08/2014	Nữ	BM	P.22	53.75	
19	0595	Nguyễn Khánh Linh	15/01/2014	Nữ	ĐQC	P.22	83.00	
20	0596	Nguyễn Mai Linh	15/03/2014	Nữ	LTT	P.22	57.50	
21	0597	Nguyễn Ngọc Linh	8/12/2014	Nữ	ThB	P.22	75.25	
22	0598	Nguyễn Phương Linh	12/11/2014	Nữ	ThB	P.22	73.75	
23	0599	Nguyễn Phương Linh	9/1/2014	Nữ	NgC	P.22	82.00	
24	0600	Nguyễn Thảo Linh	7/10/2014	Nữ	BH	P.22	43.50	
25	0601	Nguyễn Thảo Linh	23/6/2014	Nữ	NhC	P.22	48.25	
26	0602	Nguyễn Tú Linh	11/04/2014	Nữ	TH	P.22	61.50	
27	0603	Nguyễn Phạm Thảo Linh	13/10/2014	Nữ	SM	P.22	74.50	

TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025



ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	0604	Nguyễn Thị Thảo Linh	25/07/2014	Nữ	TB	P.23	60.25	
2	0605	Nguyễn Trần Trúc Linh	3/4/2014	Nữ	ThB	P.23	55.00	
3	0606	Nông Hoàng Hà Linh	16/01/2014	Nữ	TH	P.23	63.75	
4	0607	Phạm Bảo Linh	29/11/2014	Nữ	LTT	P.23	72.25	
5	0608	Phạm Phương Linh	15/10/2014	Nữ	LTT	P.23	82.75	
6	0609	Phạm Vũ Trúc Linh	19/12/2014	Nữ	VTB	P.23	76.75	
7	0610	Phùng Đăng Tuấn Linh	12/07/2014	Nam	BM	P.23	65.25	
8	0611	Tiên Gia Linh	01/04/2014	Nữ	TK	P.23	42.50	
9	0612	Trần Diệp Linh	16/2/2014	Nữ	TM	P.23	60.50	
10	0613	Trần Gia Linh	23/10/2014	Nữ	BM	P.23	68.50	
11	0614	Trần Phương Linh	27/04/2014	Nữ	ThB	P.23	64.25	
12	0615	Trần Thảo Linh	18/10/2014	nữ	LTT	P.23	55.25	
13	0616	Trần Ngọc Uyên Linh	18/10/2014	Nữ	ĐVT	P.23	64.75	
14	0617	Trịnh Phong Linh	27/06/2014	Nữ	ĐVT	P.23	68.25	
15	0618	Trịnh Tú Linh	08/08/2014	Nữ	VTB	P.23	61.50	
16	0619	Vũ Phạm Gia Linh	1/2/2014	Nữ	SM	P.23	81.75	
17	0620	Vũ Thảo Linh	20/6/2014	Nữ	CT	P.23	77.00	
18	0621	Bùi Quang Lộc	18/11/2014	Nam	SM	P.23	50.75	
19	0622	Phạm Đức Lợi	28/03/2014	Nam	ToH	P.23	82.00	
20	0623	Trần Gia Lợi	24/9/2014	Nam	VH	P.23	77.50	
21	0624	Đinh Bảo Long	16/10/2014	Nam	ĐVT	P.23	82.00	
22	0625	Nguyễn Đức Hải Long	09/12/2014	Nam	TB	P.23	73.25	
23	0626	Nguyễn Thành Long	19/11/2014	Nam	HT	P.23	67.50	
24	0627	Phạm Bảo Long	02/09/2014	Nam	ToH	P.23	75.00	
25	0628	Trần Đình Bảo Long	14/5/2014	Nam	LTT	P.23	65.25	
26	0629	Trần Đức Long	26/02/2014	Nam	NT	P.23	58.25	
27	0630	Trần Thành Long	8/9/2014	Nam	SM	P.23	76.75	

TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TP. HẢI DƯƠNG
TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Diệu Linh

ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	0631	Trịnh Hải Long	1/7/2014	Nam	NS	P.24	81.50	
2	0632	Lã Khánh Ly	28/05/2014	Nữ	CVA	P.24	44.75	
3	0633	Trần Khánh Ly	06/03/2014	Nữ	BH	P.24	68.75	
4	0634	Cao Thị Huyền Mai	05/01/2014	Nữ	ThB	P.24	72.75	
5	0635	Đinh Lê Ngọc Mai	5/2/2014	Nữ	TM	P.24	72.75	
6	0636	Nguyễn Ngọc Mai	12/11/2014	Nữ	TB	P.24	75.25	
7	0637	Nguyễn Ngọc Mai	28/05/2014	Nữ	HT	P.24	65.25	
8	0638	Nguyễn Nhật Mai	24/05/2014	Nữ	HT	P.24	80.25	
9	0639	Phạm Ngọc Mai	19/08/2014	Nữ	PL	P.24	49.50	
10	0640	Vũ Ngọc Hương Mai	27/04/2014	Nữ	ThB	P.24	80.50	
11	0641	Vũ Phụng Mai	28/2/2014	Nữ	LTT	P.24	83.00	
12	0642	Nguyễn Đức Mạnh	20/8/2014	Nam	NgC	P.24	80.50	
13	0643	Vũ Đức Mạnh	14/6/2014	Nam	LTT	P.24	88.00	
14	0644	Bùi Quang Đức Minh	9/4/2014	Nam	LTT	P.24	55.25	
15	0645	Bùi Thị Hải Minh	2/10/2014	Nữ	NLB	P.24	68.75	
16	0646	Bùi Gia Nhật Minh	11/5/2014	Nam	ThB	P.24	80.50	
17	0647	Chữ Hữu Gia Minh	24/11/2014	Nam	BM	P.24	70.00	
18	0648	Đặng Thị Hải Minh	23/12/2014	Nữ	ThB	P.24	57.75	
19	0649	Đặng Bình Minh	20/08/2014	Nam	SM	P.24	63.75	
20	0650	Đinh Thu Minh	29/7/2014	Nữ	LTT	P.24	62.00	
21	0651	Đinh Tú Minh	17/01/2014	Nữ	TH	P.24	60.75	
22	0652	Đinh Hoàng Quang Minh	07/10/2014	Nam	NgC	P.24	74.00	
23	0653	Đồng Quỳnh Minh	03/10/2014	Nữ	SM	P.24	66.50	
24	0654	Hà Tuấn Minh	27/3/2014	Nam	ThB	P.24	67.50	
25	0655	Hoàng Lê Bảo Minh	20/2/2014	Nam	NLB	P.24	80.00	
26	0656	Hoàng Lê Bình Minh	31/10/2014	Nam	LTT	P.24	67.00	
27	0657	Hoàng Minh	19/1/2014	Nam	ThB	P.24	62.00	

TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025



HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Diệu Linh

ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	0658	Lê Bá Minh	10/11/2014	Nam	SM	P.25	48.00	
2	0659	Lê Đức Minh	25/12/2014	Nam	NLB	P.25	84.75	
3	0660	Lê Ngọc Minh	08/11/2014	Nữ	NT	P.25	58.00	
4	0661	Lê Tuấn Minh	18/06/2014	Nam	ToH	P.25	70.50	
5	0662	Lê Đức Nhật Minh	09/03/2014	Nam	NĐ	P.25	54.25	
6	0663	Lê Ngọc Tiến Minh	24/2/2014	Nam	TB	P.25	68.50	
7	0664	Ngô Hoàng Minh	13/4/2014	Nam	NLB	P.25	49.75	
8	0665	Nguyễn Trần Bảo Minh	30/10/2014	Nam	ThB	P.25	77.75	
9	0666	Nguyễn Bảo Minh	06/08/2014	Nam	NT	P.25	48.75	
10	0667	Nguyễn Bình Minh	15/10/2014	Nam	HT	P.25	63.50	
11	0668	Nguyễn Đức Minh	14/12/2014	Nam	HT	P.25	56.00	
12	0669	Nguyễn Hải Minh	21/04/2014	Nam	AT	P.25	46.75	
13	0670	Nguyễn Quang Minh	24/11/2014	Nam	BM	P.25	45.25	
14	0671	Nguyễn Quang Minh	29/09/2014	Nam	TB	P.25	60.00	
15	0672	Nguyễn Quang Minh	6/8/2014	Nam	TM	P.25	86.00	
16	0673	Nguyễn Thế Minh	19/06/2014	Nam	HT	P.25	59.00	
17	0674	Nguyễn Tiến Minh	08/10/2014	Nam	TH	P.25	79.50	
18	0675	Nguyễn Tiến Minh	20/06/2014	Nam	TB	P.25	62.25	
19	0676	Nguyễn Tiến Minh	14/7/2014	Nam	NLB	P.25	75.00	
20	0677	Nguyễn Tiến Minh	4/5/2014	Nam	NgC	P.25	69.00	
21	0678	Nguyễn Văn Nhật Minh	16/10/2014	Nam	TM	P.25	61.00	
22	0679	Nguyễn Danh Tuấn Minh	11/6/2014	Nam	LTT	P.25	81.75	
23	0680	Phạm Hoàng Hải Minh	28/02/2014	Nữ	PL	P.25	71.00	
24	0681	Phạm Bình Minh	5/8/2014	Nam	NLB	P.25	76.50	
25	0682	Phạm Cao Minh	27/3/2014	Nam	BM	P.25	86.00	
26	0683	Phạm Duy Minh	19/7/2014	Nam	ToH	P.25	73.00	
27	0684	Phạm Huy Minh	04/09/2014	Nam	CVA	P.25	54.75	

TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	0685	Phạm Văn Minh	4/7/2014	Nam	LH	P.26	59.25	
2	0686	Thái Duy Minh	24/08/2014	Nam	ThB	P.26	68.50	
3	0687	Trần Hải Minh	3/9/2014	Nam	ThB	P.26	55.00	
4	0688	Trương Mậu Minh	4/2/2014	Nam	ThB	P.26	69.00	
5	0689	Vũ Thị Hồng Minh	16/10/2014	Nữ	TM	P.26	81.00	
6	0690	Vũ Thái Minh	08/12/2014	Nam	LTT	P.26	68.00	
7	0691	Vũ Tuấn Minh	16/05/2014	Nam	NT	P.26	70.00	
8	0692	Đinh Ngọc Hà My	30/01/2014	Nữ	ĐVT	P.26	69.75	
9	0693	Nguyễn Hoàng Hà My	27/05/2014	Nữ	NT	P.26	60.50	
10	0694	Nguyễn Vũ Hà My	28/09/2014	Nữ	BM	P.26	56.50	
11	0695	Nguyễn Hà My	24/09/2014	Nữ	CT	P.26	56.50	
12	0696	Nguyễn Trà My	23/06/2014	Nữ	VTS	P.26	70.00	
13	0697	Trần Diễm My	8/10/2014	Nữ	BM	P.26	64.25	
14	0698	Trần Ngọc My	26/08/2014	Nữ	PL	P.26	53.75	
15	0699	Vũ Trà My	30/09/2014	Nữ	ThB	P.26	59.25	
16	0700	Bùi Phương Mỹ	10/09/2014	Nữ	SM	P.26	86.00	
17	0701	Đào Vũ Thị Mỹ Uyên	11/12/2014	Nữ	VTS	P.26	75.75	
18	0702	Đặng Hữu Nhật Nam	20/6/2014	Nam	ToH	P.26	85.00	
19	0703	Doãn Trần Nhật Nam	08/01/2014	Nam	HT	P.26	67.75	
20	0704	Ngô Hùng Nam	29/06/2014	Nam	BH	P.26	48.50	
21	0705	Ngô Thành Nam	03/08/2014	Nam	TB	P.26	69.50	
22	0706	Nguyễn Hải Nam	15/9/2014	Nam	LTT	P.26	75.50	
23	0707	Nguyễn Huy Nam	18/5/2014	Nam	SM	P.26	88.50	
24	0708	Nguyễn Việt Nam	22/03/2014	Nam	BM	P.26	74.50	
25	0709	Phạm An Nam	7/10/2014	Nam	ToH	P.26	89.00	
26	0710	Phạm Bảo Nam	13/09/2014	Nam	ToH	P.26	57.00	
27	0711	Phạm Hải Nam	07/10/2014	Nam	NLB	P.26	46.00	

TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	0712	Tiên Hải Nam	10/10/2014	Nam	LTT	P.27	33.00	
2	0713	Trần Bảo Nam	10/02/2014	Nam	LTT	P.27	79.00	
3	0714	Trần Hoài Nam	23/01/2014	Nam	NLB	P.27	80.50	
4	0715	Lê Thanh Nga	19/8/2014	Nữ	ThB	P.27	74.00	
5	0716	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	06/02/2014	Nữ	TH	P.27	56.25	
6	0717	Vũ Quỳnh Nga	26/3/2014	Nữ	ThB	P.27	65.00	
7	0718	Chu Thị Kim Ngân	08/11/2014	Nữ	TM	P.27	68.25	
8	0719	Đặng Ngọc Ngân	01/10/2014	Nữ	CT	P.27	62.00	
9	0720	Đinh Ngọc Ngân	23/01/2014	Nữ	CT	P.27	62.75	
10	0721	Đoàn Ngọc Ngân	06/02/2014	Nữ	AQ	P.27	64.25	
11	0722	Lê Bảo Ngân	16/03/2014	Nữ	NT	P.27	43.00	
12	0723	Lê Thị Phương Ngân	17/3/2014	Nữ	SM	P.27	62.00	
13	0724	Lưu Kim Ngân	12/10/2014	Nữ	TM	P.27	58.00	
14	0725	Mạc Kim Ngân	29/3/2014	Nữ	BH	P.27	56.50	
15	0726	Mai Thiên Ngân	7/9/2014	Nữ	NgC	P.27	50.00	
16	0727	Ngô Hoài Ngân	30/07/2014	Nữ	VH	P.27	66.50	
17	0728	Nguyễn Đỗ Hoàng Ngân	30/03/2014	Nữ	BM	P.27	47.25	
18	0729	Nguyễn Thị Kim Ngân	12/06/2014	Nữ	ThB	P.27	66.50	
19	0730	Nguyễn Vũ Kim Ngân	16/7/2014	Nữ	LTT	P.27	59.00	
20	0731	Nguyễn Khánh Ngân	29/7/2014	Nữ	TK	P.27	66.00	
21	0732	Nhữ Ngọc Bảo Ngân	6/8/2014	Nữ	CT	P.27	64.75	
22	0733	Phạm Ngọc Kim Ngân	21/01/2014	Nữ	ĐVT	P.27	71.25	
23	0734	Phạm Hà Ngân	24/12/2014	Nữ	ToH	P.27	81.75	
24	0735	Phạm Quỳnh Ngân	30/5/2014	Nữ	ThB	P.27	70.50	
25	0736	Phạm Thảo Ngân	11/02/2014	Nữ	TB	P.27	71.00	
26	0737	Tăng Thị Kim Ngân	26/08/2014	Nữ	NT	P.27	73.00	
27	0738	Vũ Bảo Ngân	13/07/2014	Nữ	ThB	P.27	60.50	

TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	0739	Vũ Thúy Ngân	11/09/2014	Nữ	VTS	P.28	61.50	
2	0740	Lê Đình Nghĩa	11/04/2014	Nam	NgC	P.28	81.00	
3	0741	Nguyễn Minh Nghĩa	28/12/2014	Nam	SM	P.28	71.00	
4	0742	Quách Đình Trọng Nghĩa	28/10/2014	Nam	TB	P.28	63.00	
5	0743	Vũ Trọng Nghĩa	2/1/2014	Nam	TB	P.28	68.00	
6	0744	Vũ Trọng Nghĩa	06/09/2014	Nam	NgC	P.28	45.00	
7	0745	An Minh Ngọc	9/3/2014	Nữ	TB	P.28	78.50	
8	0746	Bùi Bích Ngọc	30/07/2014	Nữ	LTT	P.28	62.00	
9	0747	Chu Bảo Ngọc	28/11/2014	Nữ	LTT	P.28	61.50	
10	0748	Đàm Mỹ Ngọc	06/08/2014	Nữ	TK	P.28	78.50	
11	0749	Đỗ Phương Ngọc	29/06/2014	Nữ	TB	P.28	65.00	
12	0750	Đoàn Thu Hoàng Ngọc	24/3/2014	Nữ	NgC	P.28	78.00	
13	0751	Lê Ngô Bảo Ngọc	01/05/2014	Nữ	ThB	P.28	62.00	
14	0752	Lê Minh Ngọc	07/08/2014	Nữ	ĐVT	P.28	51.00	
15	0753	Lưu Khánh Ngọc	19/9/2014	Nữ	NLB	P.28	72.00	
16	0754	Ngô Bảo Ngọc	16/8/2014	Nữ	ThB	P.28	66.50	
17	0755	Nguyễn Thị Bích Ngọc	07/10/2014	Nữ	SM	P.28	74.50	
18	0756	Nguyễn Thị Kim Ngọc	23/1/2014	Nữ	LTT	P.28	85.50	
19	0757	Nguyễn Bích Ngọc	26/08/2014	Nữ	LTT	P.28	67.25	
20	0758	Nguyễn Minh Ngọc	22/04/2014	Nữ	NT	P.28	57.75	
21	0759	Nguyễn Minh Ngọc	30/11/2014	Nữ	NLB	P.28	68.50	
22	0760	Phạm Thị Bảo Ngọc	15/12/2014	Nữ	BM	P.28	47.00	
23	0761	Phạm Khánh Ngọc	9/1/2014	Nữ	BH	P.28	65.50	
24	0762	Phạm Minh Ngọc	19/8/2014	Nữ	VTS	P.28	84.00	
25	0763	Trần Minh Ngọc	25/02/2014	Nữ	VTS	P.28	64.50	
26	0764	Trần Phương Ngọc	14/2/2014	Nữ	HT	P.28	84.00	
27	0765	Trần Thảo Ngọc	16/03/2014	Nữ	VTS	P.28	69.50	

TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Diệu Linh

ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	0766	Vũ Thị Khánh Ngọc	31/05/2014	Nữ	HT	P.29	57.25	
2	0767	Vương Minh Ngọc	8/4/2014	Nữ	HT	P.29	70.00	
3	0768	Chu Bảo Nguyên	06/04/2014	Nam	LTT	P.29	68.75	
4	0769	Đoàn Ngọc Nguyên	01/04/2014	Nam	NgC	P.29	64.25	
5	0770	Hoàng An Nguyên	13/10/2014	Nữ	NgC	P.29	65.75	
6	0771	Hoàng Khôi Nguyên	29/11/2014	Nam	CT	P.29	80.50	
7	0772	Hoàng Thảo Nguyên	27/05/2014	Nữ	ToH	P.29	56.75	
8	0773	Lê Thảo Nguyên	6/4/2014	Nữ	TK	P.29	90.75	
9	0774	Lương Quỳnh Nguyên	05/08/2014	Nữ	ĐQC	P.29	52.75	
10	0775	Nguyễn Hữu Khôi Nguyên	09/12/2014	Nam	TQT	P.29	62.00	
11	0776	Nguyễn Đức Minh Nguyên	6/5/2014	Nam	ThB	P.29	80.00	
12	0777	Nguyễn Khôi Nguyên	13/01/2014	Nam	LTT	P.29	74.25	
13	0778	Nguyễn Thảo Nguyên	4/5/2014	Nữ	HT	P.29	81.25	
14	0779	Phạm Bảo Nguyên	21/8/2014	Nam	ThB	P.29	60.25	
15	0780	Phạm Thảo Nguyên	25/09/2014	Nữ	TH	P.29	76.75	
16	0781	Tăng Hoàng Thảo Nguyên	18/12/2014	Nữ	ThB	P.29	66.25	
17	0782	Trần Khôi Nguyên	20/01/2014	Nam	VTS	P.29	65.50	
18	0783	Trần Thảo Nguyên	28/06/2014	Nữ	NLB	P.29	54.75	
19	0784	Trần Thảo Nguyên	07/04/2014	Nữ	CVA	P.29	66.50	
20	0785	Vũ Phương Nguyên	24/1/2014	Nữ	ĐQC	P.29	65.75	
21	0786	Đào Trần Minh Nguyệt	08/02/2014	Nữ	ThB	P.29	50.75	
22	0787	Đặng Đức Nhân	16/04/2014	Nam	BH	P.29	70.75	
23	0788	Phạm Khắc Nhân	15/06/2014	Nam	LTT	P.29	59.75	
24	0789	Trịnh Đức Nhân	18/2/2014	Nam	VH	P.29	58.25	
25	0790	Vũ Ngọc Bảo Nhân	25/3/2014	Nữ	ĐQC	P.29	77.50	
26	0791	Đoàn Minh Nhật	4/5/2014	Nam	SM	P.29	78.50	
27	0792	Bùi Thảo Nhi	15/6/2014	Nữ	ThB	P.29	83.00	

TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025



ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	0793	Đào Đông Nhi	12/11/2014	Nữ	BM	P.30	75.50	
2	0794	Đào Đồng Ý Nhi	09/02/2014	Nữ	LH	P.30	54.00	
3	0795	Đinh Hải Nhi	28/01/2014	Nữ	ĐVT	P.30	76.25	
4	0796	Đỗ Thị Uyên Nhi	20/2/2014	Nữ	ĐVT	P.30	78.25	
5	0797	Hoàng Thảo Nhi	24/10/2014	Nam	BM	P.30	49.50	
6	0798	Ngô Ngọc Nhi	23/11/2014	Nữ	VH	P.30	64.00	
7	0799	Nguyễn Ngọc An Nhi	08/11/2014	Nữ	ToH	P.30	71.25	
8	0800	Nguyễn Bảo Nhi	8/7/2014	Nữ	ThB	P.30	81.00	
9	0801	Nguyễn Quỳnh Nhi	11/4/2014	Nữ	ThB	P.30	80.50	
10	0802	Nguyễn Thảo Nhi	17/10/2014	Nữ	NT	P.30	46.25	
11	0803	Nguyễn Thảo Nhi	18/4/2014	Nữ	ThB	P.30	58.75	
12	0804	Nguyễn Tuệ Nhi	15/02/2014	Nữ	BH	P.30	52.25	
13	0805	Nguyễn Thị Phương Nhi	12/7/2014	Nữ	ThB	P.30	46.75	
14	0806	Nguyễn Ngọc Uyên Nhi	23/11/2014	Nữ	TK	P.30	85.25	
15	0807	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	27/01/2014	Nữ	BM	P.30	74.00	
16	0808	Trần Ngọc Nhi	20/09/2014	Nữ	TB	P.30	63.50	
17	0809	Trương Thảo Nhi	10/05/2014	Nữ	LTT	P.30	55.75	
18	0810	Vương Tuệ Nhi	10/01/2014	Nữ	VTS	P.30	81.25	
19	0811	Nguyễn An Nhiên	06/3/2014	Nữ	ThB	P.30	50.25	
20	0812	Đinh Trịnh Tú Như	02/05/2014	Nữ	SM	P.30	66.75	
21	0813	Nguyễn An Như	03/06/2014	Nữ	TB	P.30	74.25	
22	0814	Nguyễn Hà Tuệ Như	31/8/2014	Nữ	ThB	P.30	60.25	
23	0815	Nguyễn Trang Nhung	12/3/2014	Nữ	ThB	P.30	77.75	
24	0816	Nguyễn Kiều Oanh	1/4/2014	Nữ	VH	P.30	46.75	
25	0817	Trần Nguyên Phan	16/1/2014	Nam	ThB	P.30	83.50	
26	0818	Đặng Hải Phong	11/8/2014	Nam	LTT	P.30	73.00	
27	0819	Đinh Nhật Phong	30/05/2014	Nam	HT	P.30	65.00	

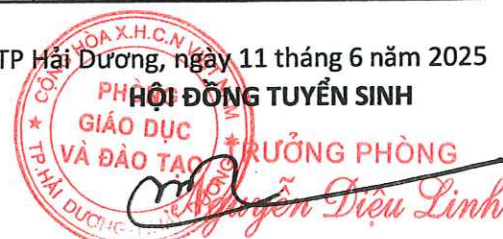
TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025



ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	0820	Đỗ Bảo Phong	23/10/2014	Nam	HT	P.31	64.75	
2	0821	Đỗ Hải Phong	23/10/2014	Nam	TH	P.31	57.00	
3	0822	Đoàn Đình Phong	04/05/2014	Nam	NgC	P.31	61.00	
4	0823	Đoàn Đức Phong	11/04/2014	Nam	ToH	P.31	84.00	
5	0824	Đoàn Tuấn Phong	10/2/2014	Nam	LH	P.31	79.75	
6	0825	Đoàn Việt Phong	22/05/2014	Nam	SM	P.31	69.00	
7	0826	Hoàng Nam Phong	27/04/2014	Nam	TK	P.31	79.25	
8	0827	Lại Văn Lâm Phong	28/11/2014	Nam	NgC	P.31	76.25	
9	0828	Lê Đức Phong	15/05/2014	Nam	NT	P.31	66.25	
10	0829	Lê Vũ Phong	24/07/2014	Nam	TB	P.31	78.75	
11	0830	Nguyễn Bá Phong	05/03/2014	Nam	TK	P.31	68.75	
12	0831	Nguyễn Đức Phong	15/08/2014	Nam	BM	P.31	58.75	
13	0832	Nguyễn Gia Phong	28/10/2014	Nam	ThB	P.31	50.50	
14	0833	Nguyễn Nam Phong	08/01/2014	Nam	NLB	P.31	83.75	
15	0834	Nguyễn Tuấn Phong	16/3/2014	Nam	ThB	P.31	84.00	
16	0835	Nguyễn Xuân Phong	2/11/2014	Nam	ToH	P.31	82.25	
17	0836	Phạm Cao Phong	14/09/2014	Nam	HT	P.31	78.25	
18	0837	Phạm Đăng Phong	27/01/2014	Nam	ThB	P.31	84.50	
19	0838	Trần Ngọc Phong	30/07/2014	Nam	SM	P.31	48.50	
20	0839	Trần Thanh Phong	21/04/2014	Nam	BH	P.31	68.00	
21	0840	Trần Đình Thanh Phong	28/07/2014	Nam	ĐQC	P.31	50.75	
22	0841	Vũ Nam Phong	30/4/2014	Nam	ToH	P.31	88.25	
23	0842	Nguyễn Kim Phú	25/1/2014	Nam	LTT	P.31	64.00	
24	0843	Bùi Duy Phúc	13/1/2014	Nam	LTT	P.31	81.75	
25	0844	Hoàng Bảo Phúc	25/07/2014	Nam	BM	P.31	65.75	
26	0845	Lâm Bảo Phúc	02/01/2014	Nam	BM	P.31	64.25	
27	0846	Lê Bá Phúc	24/12/2014	Nam	TQT	P.31	52.25	

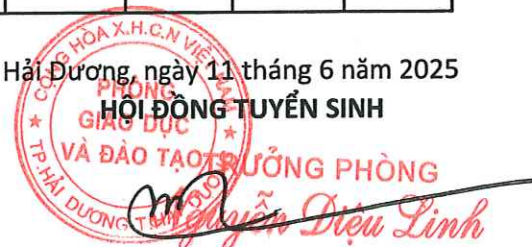
TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025



ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	0847	Nguyễn Đức Minh Phúc	29/11/2014	Nam	VTS	P.32	67.50	
2	0848	Nguyễn Bảo Phúc	15/12/2014	Nam	BM	P.32	81.75	
3	0849	Nguyễn Thiên Phúc	2/3/2014	Nam	TT	P.32	66.00	
4	0850	Phạm Đăng Phúc	16/10/2014	Nam	VH	P.32	68.00	
5	0851	Phạm Đức Phúc	17/6/2014	Nam	BM	P.32	69.25	
6	0852	Trương Xuân Phúc	21/12/2014	Nam	HT	P.32	65.00	
7	0853	Vũ Ngọc Phúc	09/10/2014	Nữ	TB	P.32	74.75	
8	0854	Bùi Lan Phương	2/1/2014	Nữ	ThB	P.32	68.50	
9	0855	Bùi Minh Phương	26/10/2014	Nữ	LTT	P.32	84.00	
10	0856	Đặng Thảo Phương	06/04/2014	Nữ	ToH	P.32	69.50	
11	0857	Đinh Hà Phương	16/11/2014	Nữ	LTT	P.32	69.75	
12	0858	Đinh Hà Phương	14/12/2014	Nữ	HT	P.32	52.25	
13	0859	Đinh Hà Phương	12/09/2014	Nữ	NgC	P.32	74.75	
14	0860	Đồng Hà Phương	22/04/2014	Nữ	VH	P.32	69.00	
15	0861	Lê Nam Phương	31/10/2014	Nữ	CVA	P.32	63.00	
16	0862	Nguyễn Vũ Hà Phương	04/04/2014	Nữ	LTT	P.32	56.00	
17	0863	Nguyễn Hà Phương	18/1/2014	Nữ	CVA	P.32	55.75	
18	0864	Phạm Nhật Phương	04/11/2014	Nữ	ThB	P.32	55.25	
19	0865	Phạm Thảo Phương	12/9/2014	Nữ	TM	P.32	60.75	
20	0866	Tạ Minh Phương	22/10/2014	Nữ	TM	P.32	90.00	
21	0867	Trần Nguyễn Ngọc Phương	19/01/2014	Nữ	HT	P.32	74.00	
22	0868	Trần Bảo Phương	19/11/2014	Nữ	TM	P.32	52.25	
23	0869	Trịnh Minh Phương	11/10/2014	Nữ	PL	P.32	57.00	
24	0870	Vũ Minh Phương	11/1/2014	Nữ	BM	P.32	81.75	
25	0871	Vũ Thảo Phương	29/5/2014	Nữ	TM	P.32	63.25	
26	0872	Lê Bích Phương	8/4/2014	Nữ	LTT	P.32	81.75	
27	0873	Bùi Tùng Quân	11/02/2014	Nam	VTS	P.32	59.00	

TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025



ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	0874	Cao Mạnh Quân	15/10/2014	Nam	TK	P.33	72.50	
2	0875	Đặng Lê Bảo Quân	8/1/2014	Nam	SM	P.33	82.50	
3	0876	Đặng Bảo Quân	02/07/2014	Nam	AQ	P.33	72.50	
4	0877	Mạc Hải Quân	27/6/2014	Nam	NLB	P.33	61.50	
5	0878	Nguyễn Huy Quân	17/9/2014	Nam	ToH	P.33	82.75	
6	0879	Nguyễn Minh Quân	8/2/2014	Nam	LTT	P.33	83.00	
7	0880	Nguyễn Trung Quân	04/09/2014	Nam	ĐQC	P.33	59.75	
8	0881	Nguyễn Tùng Quân	22/05/2014	Nam	TB	P.33	79.50	
9	0882	Phạm Trần Hồng Quân	20/4/2014	Nam	ĐQC	P.33	74.00	
10	0883	Phạm Đức Quân	15/8/2014	Nam	TM	P.33	72.50	
11	0884	Phạm Hoàng Quân	2/7/2014	Nam	BM	P.33	86.00	
12	0885	Phạm Trúc Quân	16/10/2014	Nữ	BM	P.33	88.25	
13	0886	Quách Minh Quân	20/1/2014	Nam	NLB	P.33	64.50	
14	0887	Trương Hoàng Quân	26/3/2014	Nam	BM	P.33	72.50	
15	0888	Vũ Anh Quân	06/01/2014	Nam	ToH	P.33	75.50	
16	0889	Vũ Minh Quân	28/01/2014	Nam	NgC	P.33	81.50	
17	0890	Vũ Phong Quân	17/9/2014	Nam	LH	P.33	60.50	
18	0891	Nguyễn Quý Nhật Quang	7/8/2014	Nam	ThB	P.33	78.50	
19	0892	Nguyễn Đăng Quang	1/1/2014	Nam	ThB	P.33	70.00	
20	0893	Nguyễn Đức Quang	19/10/2014	Nam	ToH	P.33	68.50	
21	0894	Nguyễn Minh Quang	17/11/2014	Nam	NLB	P.33	70.50	
22	0895	Nguyễn Minh Quang	03/08/2014	Nam	VTs	P.33	82.25	
23	0896	Nguyễn Nhật Quang	31/12/2014	Nam	NT	P.33	69.75	
24	0897	Trần Đức Minh Quang	05/09/2014	Nam	CVA	P.33	72.50	
25	0898	Trương Hồng Quang	06/08/2014	Nam	ĐQC	P.33	50.50	
26	0899	Vũ Hữu Quang	18/7/2014	Nam	NgC	P.33	69.00	
27	0900	Trần Hoàng Quý	4/1/2014	Nam	VH	P.33	67.00	

TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025



HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	0901	Đinh Thị Phương Quỳnh	16/09/2014	Nữ	ToH	P.34	85.25	
2	0902	Nguyễn Lê Hải Quỳnh	18/12/2014	Nữ	VTs	P.34	84.00	
3	0903	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	19/01/2014	Nữ	BM	P.34	64.50	
4	0904	Nguyễn Thị Tiểu Quỳnh	02/01/2014	Nữ	ĐQC	P.34	68.25	
5	0905	Phùng Thị Diễm Quỳnh	05/06/2014	Nữ	SM	P.34	71.50	
6	0906	Vũ Tú Quỳnh	25/02/2014	Nữ	PL	P.34	82.25	
7	0907	Quách Nhật Bảo Sam	15/10/2014	Nữ	HT	P.34	67.50	
8	0908	Bùi Quang Thái Sơn	12/2/2014	Nam	LTT	P.34	61.00	
9	0909	Cao Minh Sơn	25/09/2014	Nam	SM	P.34	73.00	
10	0910	Đoàn Hải Sơn	27/05/2014	Nam	HT	P.34	73.00	
11	0911	Lương Đức Sơn	04/11/2014	Nam	LTT	P.34	65.50	
12	0912	Nguyễn Hồng Sơn	19/08/2014	Nam	VTs	P.34	81.00	
13	0913	Nguyễn Ngọc Trường Sơn	14/05/2014	Nam	ToH	P.34	74.50	
14	0914	Phạm Công Sơn	08/11/2014	Nam	ThB	P.34	45.00	
15	0915	Trần Quang Sơn	06/08/2014	Nam	NT	P.34	71.50	
16	0916	Trịnh Thanh Sơn	16/12/2014	Nam	BH	P.34	90.00	
17	0917	Vũ Hải Sơn	20/11/2014	Nam	PL	P.34	66.50	
18	0918	Nghiêm Viết Tấn Tài	4/11/2014	Nam	BH	P.34	59.25	
19	0919	Đào Minh Tâm	30/12/2014	Nữ	AQ	P.34	78.50	
20	0920	Đào Quang Tâm	23/01/2014	Nam	NLB	P.34	63.75	
21	0921	Mai Thế Tâm	4/12/2014	Nam	ThB	P.34	81.00	
22	0922	Hoàng Quốc Thái	02/10/2014	Nam	LTT	P.34	65.50	
23	0923	Trần Kim Thái	23/02/2014	Nam	TQT	P.34	60.50	
24	0924	Nguyễn Mạnh Thắng	10/12/2014	Nam	ĐVT	P.34	49.00	
25	0925	Nguyễn Phương Thanh	25/9/2014	Nữ	ThB	P.34	81.75	
26	0926	Vũ Thị Hà Thanh	17/02/2014	Nữ	SM	P.34	69.50	
27	0927	Vũ Duy Thanh	28/12/2014	Nam	BM	P.34	52.50	

TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG PHÒNG
Nguyễn Diễm Linh

ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	0928	Vương Văn Chí Thanh	25/10/2014	Nam	TH	P.35	64.75	
2	0929	Chu Chí Thành	28/08/2014	Nam	NLB	P.35	69.00	
3	0930	Hồ Tiến Thành	08/05/2014	Nam	GX	P.35	49.50	
4	0931	Mai Chí Thành	19/10/2014	Nam	HT	P.35	67.50	
5	0932	Nguyễn Duy Thành	16/6/2014	Nam	PL	P.35	67.25	
6	0933	Nguyễn Gia Thành	05/08/2014	Nam	SM	P.35	68.25	
7	0934	Nguyễn Minh Thành	03/09/2014	Nam	BM	P.35	76.50	
8	0935	Nguyễn Nhân Thành	4/1/2014	Nam	CT	P.35	76.50	
9	0936	Phạm Công Thành	24/05/2014	Nam	BM	P.35	67.00	
10	0937	Vũ Xuân Minh Thành	16/10/2014	Nam	BM	P.35	69.50	
11	0938	Bùi Thị Phương Thảo	02/06/2014	Nữ	ĐVT	P.35	76.25	
12	0939	Đào Phương Thảo	14/10/2014	Nữ	LTT	P.35	84.50	
13	0940	Đỗ Thanh Thảo	3/10/2014	Nữ	TK	P.35	60.25	
14	0941	Hoàng Phương Thảo	29/08/2014	Nữ	HT	P.35	55.25	
15	0942	Lê Phương Thảo	04/03/2014	Nữ	PL	P.35	75.50	
16	0943	Nguyễn Hà Phương Thảo	1/3/2014	Nữ	PL	P.35	65.75	
17	0944	Nguyễn Thị Thanh Thảo	13/08/2014	Nữ	CT	P.35	70.50	
18	0945	Nguyễn Hương Thảo	13/3/2014	Nữ	NgC	P.35	68.25	
19	0946	Nguyễn Hương Thảo	24/11/2014	Nữ	NLB	P.35	63.75	
20	0947	Nguyễn Minh Thảo	27/11/2014	Nữ	BH	P.35	83.75	
21	0948	Nguyễn Như Thảo	23/3/2014	Nữ	NgC	P.35	45.50	
22	0949	Nguyễn Phương Thảo	27/05/2014	Nữ	VTS	P.35	64.50	
23	0950	Nguyễn Sinh Thảo	05/08/2014	Nữ	HT	P.35	71.75	
24	0951	Nguyễn Thanh Thảo	02/11/2014	Nữ	HT	P.35	58.25	
25	0952	Nguyễn Thu Thảo	31/12/2014	Nữ	HT	P.35	83.00	
26	0953	Phạm Thị Phương Thảo	22/04/2014	Nữ	VTS	P.35	52.75	
27	0954	Phạm Hương Thảo	07/01/2014	Nữ	LTT	P.35	76.25	

TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025



ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	0955	Phạm Thu Thảo	10/6/2014	Nữ	NhC	P.36	78.75	
2	0956	Phạm Thị Thu Thảo	1/4/2014	Nữ	NgC	P.36	75.75	
3	0957	Tăng Minh Thảo	01/02/2014	Nữ	HT	P.36	78.75	
4	0958	Trần Phương Thảo	10/9/2014	Nữ	TM	P.36	55.00	
5	0959	Trịnh Ngọc Thu Thảo	09/12/2014	Nữ	NT	P.36	53.25	
6	0960	Vũ Phương Thảo	05/08/2014	Nữ	HT	P.36	45.50	
7	0961	Vũ Phương Thảo	26/6/2014	Nữ	ĐVT	P.36	78.00	
8	0962	Nguyễn Trọng Thế	12/03/2014	Nam	BM	P.36	79.50	
9	0963	Vũ Công Chí Thiện	01/12/2014	Nam	TB	P.36	52.75	
10	0964	Vũ Đức Thiện	12/05/2014	Nam	TB	P.36	45.00	
11	0965	Phùng Minh Thìn	18/6/2014	Nam	LTT	P.36	57.75	
12	0966	Nguyễn Đức Thịnh	20/12/2014	Nam	SM	P.36	71.25	
13	0967	Đặng Minh Thọ	11/8/2014	Nam	LTT	P.36	68.75	
14	0968	Bùi Anh Thư	1/1/2014	Nữ	NLB	P.36	78.50	
15	0969	Đàm Thị Minh Thư	03/09/2014	Nữ	TK	P.36	54.25	
16	0970	Đoàn Anh Thư	11/09/2014	Nữ	TH	P.36	50.75	
17	0971	Ngô Anh Thư	09/12/2014	Nữ	VTS	P.36	72.00	
18	0972	Nguyễn Khánh Thư	7/7/2014	Nữ	ToH	P.36	80.00	
19	0973	Nguyễn Minh Thư	28/6/2014	Nữ	TB	P.36	75.75	
20	0974	Nguyễn Minh Thư	02/07/2014	Nữ	TB	P.36	70.25	
21	0975	Phạm Trần Quỳnh Thư	12/11/2014	Nữ	BM	P.36	78.75	
22	0976	Vũ Anh Thư	29/06/2014	Nữ	VTS	P.36	65.00	
23	0977	Nguyễn Đức Thuận	15/02/2014	Nam	ThB	P.36	79.50	
24	0978	Phùng Bình Thuận	12/12/2014	Nam	VTS	P.36	62.00	
25	0979	Vũ Lê Như Thuận	22/12/2014	Nữ	TH	P.36	48.25	
26	0980	Trần Thanh Thủy	03/03/2014	Nữ	ĐQC	P.36	58.75	
27	0981	Nguyễn Phương Thúy	9/5/2014	Nữ	ThB	P.36	79.50	
28	0982	Đỗ Ánh Thùy	16/01/2014	Nữ	ToH	P.36	80.25	

TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG PHÒNG
Nguyễn Diệu Linh

ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	0983	Đào Khánh Thy	14/10/2014	Nữ	LTT	P.37	60.75	
2	0984	Lê Huy Chí Tiến	13/04/2014	Nam	LTT	P.37	70.25	
3	0985	Nguyễn Danh Minh Tiến	2/7/2014	Nam	TB	P.37	82.00	
4	0986	Nguyễn Quang Tiến	23/10/2014	Nam	TB	P.37	70.50	
5	0987	Chu Toàn	20/01/2014	Nam	SM	P.37	63.25	
6	0988	Đinh Hữu Toàn	30/07/2014	Nam	ĐQC	P.37	72.50	
7	0989	Phạm Đỗ Mạnh Toàn	27/10/2014	Nam	BM	P.37	73.25	
8	0990	Vũ Phương Trà	25/04/2014	Nữ	NT	P.37	55.00	
9	0991	Dư Thị Huyền Trâm	08/03/2014	Nữ	TQT	P.37	39.75	
10	0992	Nguyễn Quỳnh Trâm	23/02/2014	Nữ	BM	P.37	51.25	
11	0993	Phạm Vũ Bảo Trâm	30/12/2014	Nữ	ToH	P.37	81.50	
12	0994	Phùng Bảo Trâm	19/02/2014	Nữ	HT	P.37	60.25	
13	0995	Vũ Bảo Trâm	25/04/2014	Nữ	TB	P.37	90.25	
14	0996	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	27/07/2014	Nữ	TB	P.37	73.25	
15	0997	Phạm Bảo Trân	6/6/2014	Nữ	ToH	P.37	82.50	
16	0998	Hoàng Minh Trang	28/11/2014	Nữ	NĐ	P.37	49.75	
17	0999	Mai Như Trang	16/10/2014	Nữ	NLB	P.37	56.50	
18	1000	Nghiêm Thu Trang	24/05/2014	Nữ	BM	P.37	66.50	
19	1001	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	27/2/2014	Nữ	TB	P.37	75.25	
20	1002	Nguyễn Thị Thu Trang	03/03/2014	Nữ	TB	P.37	75.00	
21	1003	Nguyễn Hà Trang	13/09/2014	Nữ	SM	P.37	75.50	
22	1004	Nguyễn Minh Trang	19/11/2014	Nữ	ThB	P.37	76.75	
23	1005	Phạm Hà Trang	06/05/2014	Nữ	SM	P.37	70.50	
24	1006	Phạm Linh Trang	15/09/2014	Nữ	TB	P.37	47.50	
25	1007	Phan Thị Phương Trang	30/06/2014	Nữ	VTB	P.37	72.25	
26	1008	Phan Hà Trang	08/12/2014	Nữ	NT	P.37	64.00	
27	1009	Trịnh Bảo Trang	08/01/2014	Nữ	HT	P.37	61.50	
28	1010	Vương Minh Trí	01/08/2014	Nam	TH	P.37	59.50	

TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
GIÁO DỤC
VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG PHÒNG
TP. HẢI DƯƠNG
HAIKON
Nguyễn Diệu Linh

ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	1039	Phạm Anh Tùng	22/4/2014	Nam	ToH	P.39	72.00	
2	1040	Phạm Sơn Tùng	15/01/2014	Nam	ToH	P.39	64.00	
3	1041	Phùng Hiền Tùng	25/4/2014	Nam	LTT	P.39	73.50	
4	1042	Trần Nguyên Danh Tùng	25/01/2014	Nam	HT	P.39	74.50	
5	1043	Mai Quang Tuyên	23/5/2014	Nam	LTT	P.39	91.00	
6	1044	Nguyễn Hoàng Tuyên	16/04/2014	Nam	VTS	P.39	84.00	
7	1045	Hoàng Tú Uyên	18/06/2014	Nữ	ThB	P.39	74.00	
8	1046	Lê Hoàng Nhã Uyên	8/1/2014	Nữ	SM	P.39	73.50	
9	1047	Lê Ngọc Uyên	06/08/2014	Nam	TB	P.39	65.00	
10	1048	Phùng Lâm Uyên	02/10/2014	Nữ	ToH	P.39	55.00	
11	1049	Vũ Trần Lâm Uyên	07/02/2014	Nữ	ToH	P.39	59.00	
12	1050	Vũ Đan Uyên	3/10/2014	Nữ	LTT	P.39	52.25	
13	1051	Vũ Thảo Uyên	27/12/2014	Nữ	ThB	P.39	75.50	
14	1052	Bùi Thị Thanh Vân	5/2/2014	Nữ	CVA	P.39	82.50	
15	1053	Mai Hàn Vân	11/2/2014	Nữ	ĐVT	P.39	54.50	
16	1054	Phạm Tuyết Vân	14/04/2014	Nữ	ĐQC	P.39	61.00	
17	1055	Bùi Hà Vi	05/02/2014	Nữ	BM	P.39	64.50	
18	1056	Nguyễn Hà Khánh Vi	3/8/2014	Nữ	ToH	P.39	82.00	
19	1057	Ngô Xuân Vĩ	27/02/2014	Nam	BM	P.39	69.00	
20	1058	Phạm Triều Vĩ	25/06/2014	Nam	VTS	P.39	44.50	
21	1059	Đinh Tuấn Việt	26/03/2014	Nam	ThB	P.39	67.00	
22	1060	Trần Quốc Việt	05/02/2014	Nam	TM	P.39	52.25	
23	1061	Bùi Quý Vinh	25/08/2014	Nam	NLB	P.39	53.00	
24	1062	Đinh Quang Vinh	08/09/2014	Nam	LTT	P.39	86.50	
25	1063	Đinh Quang Vinh	23/11/2014	Nam	VTS	P.39	69.50	
26	1064	Lê Công Vinh	11/04/2014	Nam	BM	P.39	44.50	
27	1065	Nguyễn Đỗ Ngọc Vinh	20/8/2014	Nam	TM	P.39	74.00	
28	1066	Nguyễn Quang Vinh	01/10/2014	Nam	NT	P.39	62.00	

TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG PHÒNG
Nguyễn Diệu Linh

ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	1067	Nguyễn Quang Vinh	17/12/2014	Nam	ThB	P.40	60.50	
2	1068	Nguyễn Quang Vinh	10/8/2014	Nam	ThB	P.40	69.50	
3	1069	Nguyễn Thành Vinh	30/05/2014	Nam	BM	P.40	57.50	
4	1070	Nguyễn Thành Vinh	6/7/2014	Nam	VH	P.40	69.00	
5	1071	Nguyễn Thế Vinh	5/6/2014	Nam	SM	P.40	86.00	
6	1072	Phan Nguyễn Quang Vinh	06/05/2014	Nam	LTT	P.40	55.50	
7	1073	Trà Đức Vinh	23/05/2014	Nam	VTB	P.40	54.00	
8	1074	Trần Anh Quang Vinh	8/12/2014	Nam	NhC	P.40	66.50	
9	1075	Vũ Gia Vinh	01/08/2014	Nam	HT	P.40	69.50	
10	1076	Vũ Quang Vinh	29/10/2014	Nam	ToH	P.40	67.25	
11	1077	Bùi Thư Vũ	13/1/2014	Nữ	LH	P.40	81.75	
12	1078	Chu Uy Vũ	04/11/2014	Nam	ThB	P.40	58.50	
13	1079	Lê Nguyên Vũ	27/10/2014	Nam	ThB	P.40	89.00	
14	1080	Nguyễn Xuân Vũ	19/06/2014	Nam	NgC	P.40	50.00	
15	1081	Trần Uy Vũ	21/2/2014	Nam	ThB	P.40	58.00	
16	1082	Đinh Thảo Vy	11/2/2014	Nữ	NLB	P.40	80.50	
17	1083	Dương Phương Vy	21/6/2014	Nữ	ThB	P.40	89.00	
18	1084	Lê Na Ly Vy Bình	26/05/2014	Nữ	BM	P.40	58.50	
19	1085	Lê Phương Vy	04/11/2014	Nữ	BM	P.40	54.50	
20	1086	Mạc Diệp Vy	22/02/2014	Nữ	ThB	P.40	67.50	
21	1087	Nguyễn Ngọc Tường Vy	1/8/2014	Nữ	ThB	P.40	81.50	
22	1088	Phạm Quỳnh Vy	4/4/2014	Nữ	SM	P.40	87.75	
23	1089	Phạm Thanh Vy	16/01/2014	Nữ	NT	P.40	73.75	
24	1090	Trần Hà Vy	29/09/2014	Nữ	NLB	P.40	77.00	
25	1091	Phạm Lê Như Ý	08/05/2014	Nữ	LTT	P.40	52.75	
26	1092	Nguyễn Phi Yến	31/07/2014	Nữ	ĐVT	P.40	51.00	
27	1093	Vũ Bảo Yến	28/11/2014	Nữ	NT	P.40	72.50	
28	1094	Vũ Hải Yến	12/05/2014	Nữ	NLB	P.40	70.00	

TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025



ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	1095	Cao Bảo An	4/6/2014	Nam	VH	P.41	53.00	
2	1096	Đặng Phước An	4/2/2014	Nam	CVA	P.41	42.50	
3	1097	Đỗ Nguyễn Tường An	22/7/2014	Nữ	HT	P.41	45.50	
4	1098	Đoàn Lê Thiên An	2/1/2014	Nữ	ThB	P.41	65.50	
5	1099	Lê Hà An	15/12/2014	Nữ	TK	P.41	72.50	
6	1100	Lê Khánh An	18/12/2014	Nữ	TB	P.41	65.50	
7	1101	Nguyễn Minh An	16/7/2014	Nữ	TB	P.41	68.25	
8	1102	Nguyễn Tâm An	25/6/2014	Nữ	TB	P.41	58.75	
9	1103	Nguyễn Thanh An	21/11/2014	Nữ	TM	P.41	60.25	
10	1104	Nguyễn Ngọc Bảo An	20/9/2014	Nữ	BM	P.41	56.25	
11	1105	Nguyễn Thị Hoài An	12/12/2014	Nữ	TB	P.41	62.00	
12	1106	Phạm Bảo An	29/08/2014	Nam	BM	P.41	62.00	
13	1107	Phạm Bình An	30/03/2014	Nữ	BM	P.41	58.75	
14	1108	Phạm Thái An	22/01/2014	Nữ	NgC	P.41	40.25	
15	1109	Tăng Ngọc Bảo An	30/4/2014	Nữ	NT	P.41	63.00	
16	1110	Vũ Khánh An	11/2/2014	Nam	NLB	P.41	51.50	
17	1111	Vũ Thùy An	23/06/2014	Nữ	VTs	P.41	51.75	
18	1112	Vũ Duy Bảo An	20/3/2014	Nam	SM	P.41	71.50	
19	1113	Vũ Lưu Hà An	24/7/2014	Nữ	NLB	P.41	61.75	
20	1114	Phạm Thiên Ân	6/6/2014	Nam	VH	P.41	43.50	
21	1115	Bùi Diệp Anh	10/03/2014	Nữ	VTs	P.41	51.50	
22	1116	Bùi Minh Anh	02/11/2014	Nữ	CT	P.41	29.25	
23	1117	Bùi Ngọc Anh	02/11/2014	Nữ	CT	P.41	38.50	
24	1118	Bùi Tuấn Anh	16/11/2014	Nam	NT	P.41	62.00	
25	1119	Bùi Phạm Quang Anh	19/05/2014	Nam	VTs	P.41	61.50	
26	1120	Đặng Đức Anh	31/10/2014	Nam	ToH	P.41	63.50	
27	1121	Đặng Quỳnh Anh	28/12/2014	Nữ	CT	P.41	59.25	
28	1122	Đặng Xuân Hùng Anh	15/09/2014	Nam	LTT	P.41	0.00	

TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP. HẢI DƯƠNG
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Diệu Linh

ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	1123	Đặng Vũ Văn Anh	31/10/2014	Nữ	ToH	P.42	66.75	
2	1124	Đào Phương Anh	1/4/2014	Nữ	ĐVT	P.42	64.00	
3	1125	Đào Thị Kiều Anh	27/10/2014	Nữ	HT	P.42	57.00	
4	1126	Đinh Đức Anh	14/10/2014	Nam	LTT	P.42	62.00	
5	1127	Đinh Nguyễn Trung Anh	23/2/2014	Nữ	CT	P.42	70.75	
6	1128	Đỗ Đức Minh Anh	24/2/2014	Nam	NLB	P.42	66.50	
7	1129	Đoàn Minh Anh	5/9/2014	Nữ	BM	P.42	37.25	
8	1130	Dư Quang Anh	24/04/2014	Nam	NgC	P.42	57.25	
9	1131	Dương Thùy Anh	15/05/2014	Nữ	LTT	P.42	62.50	
10	1132	Hà Đức Anh	19/9/2014	Nam	ThB	P.42	61.25	
11	1133	Hoàng Đức Anh	22/6/2014	Nam	VH	P.42	46.50	
12	1134	Hoàng Minh Anh	10/04/2014	Nữ	NLB	P.42	63.00	
13	1135	Khổng Diệp Anh	29/11/2014	Nữ	LTT	P.42	68.00	
14	1136	Lê Hà Anh	14/7/2014	Nữ	NgC	P.42	62.50	
15	1137	Lê Tuấn Anh	07/02/2014	Nam	VTS	P.42	58.00	
16	1138	Lê Trần Bảo Anh	25/7/2014	Nữ	SM	P.42	49.00	
17	1139	Lê Hoàng Mỹ Anh	19/6/2014	Nữ	SM	P.42	60.50	
18	1140	Lương Diệu Anh	21/6/2014	Nữ	NLB	P.42	52.50	
19	1141	Lưu Thị Trâm Anh	9/4/2014	Nữ	NLB	P.42	72.50	
20	1142	Mai Hồng Anh	9/1/2014	Nữ	BH	P.42	67.25	
21	1143	Nghiêm Tú Anh	29/6/2014	Nữ	NLB	P.42	50.50	
22	1144	Ngô Hà Bảo Anh	2/2/2014	Nữ	ToH	P.42	59.25	
23	1145	Nguyễn Châu Anh	25/7/2014	Nữ	BM	P.42	54.50	
24	1146	Nguyễn Hà Anh	19/9/2014	Nữ	TB	P.42	64.00	
25	1147	Nguyễn Quang Anh	1/4/2014	Nam	LTT	P.42	64.50	
26	1148	Nguyễn Quang Anh	17/7/2014	Nam	ToH	P.42	64.25	
27	1149	Nguyễn Quang Anh	10/12/2014	Nam	HT	P.42	55.00	
28	1150	Nguyễn Quang Anh	26/12/2014	Nam	TB	P.42	51.00	

TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG PHÒNG
Lương Diệu Linh

ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	1151	Nguyễn Quỳnh Anh	25/12/2014	Nữ	NT	P.43	64.00	
2	1152	Nguyễn Tâm Anh	11/5/2014	Nữ	BM	P.43	62.00	
3	1153	Nguyễn Thế Anh	28/1/2014	Nam	BM	P.43	45.50	
4	1154	Nguyễn Tú Anh	28/03/2014	Nữ	HT	P.43	50.75	
5	1155	Nguyễn Văn Minh Anh	05/03/2014	Nam	TH	P.43	60.75	
6	1156	Nguyễn Vũ Quỳnh Anh	29/9/2014	Nữ	NgC	P.43	33.50	
7	1157	Nguyễn Ngọc Thảo Anh	11/12/2014	Nữ	ThB	P.43	55.00	
8	1158	Phạm Đức Anh	26/8/2014	Nam	TB	P.43	67.75	
9	1159	Phạm Minh Anh	15/8/2014	Nữ	BM	P.43	64.00	
10	1160	Phạm Quang Anh	26/8/2014	Nam	TB	P.43	58.75	
11	1161	Phạm Thị Diệu Anh	17/5/2014	Nữ	NLB	P.43	67.25	
12	1162	Phan Lương Bảo Anh	26/1/2014	Nữ	ToH	P.43	62.50	
13	1163	Trần Hồng Anh	24/07/2014	Nam	BH	P.43	53.25	
14	1164	Trần Minh Anh	29/05/2014	Nữ	NgC	P.43	64.50	
15	1165	Trần Nam Anh	15/07/2014	Nam	BM	P.43	44.25	
16	1166	Trần Tuấn Anh	19/01/2014	Nam	BM	P.43	47.75	
17	1167	Trịnh Huyền Anh	11/08/2014	Nữ	ĐVT	P.43	50.50	
18	1168	Trịnh Đoàn Minh Anh	08/03/2014	Nữ	TB	P.43	61.00	
19	1169	Trịnh Nguyễn Minh Anh	3/8/2014	Nữ	NT	P.43	53.50	
20	1170	Trương Hoàng Anh	4/2/2014	Nữ	ĐVT	P.43	53.75	
21	1171	Võ Diệu Anh	19/1/2014	Nữ	SM	P.43	49.00	
22	1172	Vũ Ngọc Anh	30/06/2014	Nữ	VH	P.43	50.25	
23	1173	Vũ Trâm Anh	12/12/2014	Nữ	LTT	P.43	41.75	
24	1174	Vũ Nguyễn Khánh Anh	12/07/2014	Nữ	SM	P.43	61.00	
25	1175	Trần Vũ Anna	21/2/2014	Nữ	ToH	P.43	63.75	
26	1176	Hoàng Xuân Bách	9/2/2014	Nam	NgC	P.43	56.25	
27	1177	Nghiêm Trọng Hùng Bằng	22/2/2014	Nam	NT	P.43	58.25	
28	1178	Đỗ Quốc Bảo	25/4/2014	Nam	CT	P.43	56.25	

TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG PHÒNG
Nguyễn Diệu Linh

ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	1179	Đoàn Thái Bảo	9/10/2014	Nam	BM	P.44	59.00	
2	1180	Hoàng Đức Bảo	10/7/2014	Nam	BH	P.44	61.00	
3	1181	Lê Gia Bảo	5/10/2014	Nam	BM	P.44	67.50	
4	1182	Nguyễn Minh Bảo	2/2/2014	Nam	NĐ	P.44	71.00	
5	1183	Nguyễn Thái Bảo	01/08/2014	Nam	BM	P.44	56.75	
6	1184	Nguyễn Văn Gia Bảo	05/03/2014	Nam	TH	P.44	56.50	
7	1185	Phạm Đoàn Gia Bảo	05/08/2014	Nam	TH	P.44	64.50	
8	1186	Vũ Gia Bảo	26/01/2014	Nam	CVA	P.44	60.00	
9	1187	Nguyễn Ngọc Bích	26/4/2014	Nữ	NLB	P.44	67.25	
10	1188	Đỗ Thị Hải Bình	12/12/2014	Nữ	BM	P.44	57.00	
11	1189	Phạm Ngọc Bình	15/09/2014	Nam	LTT	P.44	55.50	
12	1190	Phạm Vương Hải Bình	06/08/2014	Nam	ToH	P.44	59.00	
13	1191	Đồng Phúc Minh Châu	07/08/2014	Nữ	CT	P.44	57.00	
14	1192	Lê Ngọc Minh Châu	23/6/2014	Nữ	ThB	P.44	59.25	
15	1193	Nguyễn Bảo Châu	04/09/2014	Nữ	NLB	P.44	59.50	
16	1194	Nguyễn Minh Châu	26/9/2014	Nữ	NLB	P.44	48.75	
17	1195	Nguyễn Minh Châu	12/04/2014	Nữ	VTs	P.44	64.50	
18	1196	Nguyễn Hà Minh Châu	16/4/2014	Nữ	LTT	P.44	64.50	
19	1197	Nguyễn Lê Minh Châu	2/3/2014	Nữ	NT	P.44	46.50	
20	1198	Nguyễn Ngọc Minh Châu	27/3/2014	Nữ	BM	P.44	44.25	
21	1199	Trần Hữu Bảo Châu	17/4/2014	Nam	NT	P.44	69.50	
22	1200	Vũ Ngọc Bảo Châu	19/5/2014	Nữ	NLB	P.44	44.00	
23	1201	Vũ Ngọc Minh Châu	12/6/2014	Nữ	VTs	P.44	71.50	
24	1202	Bùi Quỳnh Chi	12/11/2014	Nữ	ThB	P.44	62.00	
25	1203	Cao Thảo Chi	20/3/2014	Nữ	VH	P.44	49.00	
26	1204	Cao Thị Linh Chi	17/10/2014	Nữ	NT	P.44	64.50	
27	1205	Đinh An Chi	29/12/2014	Nữ	CT	P.44	60.50	
28	1206	Đỗ Thảo Chi	28/7/2014	Nữ	NLB	P.44	62.50	

TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
GIÁO DỤC
VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG PHÒNG
Nguyễn Diệu Linh

ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	1207	Lê Huyền Chi	31/07/2014	Nữ	TQT	P.45	44.00	
2	1208	Ngô Thùy Chi	01/05/2014	Nữ	ToH	P.45	54.50	
3	1209	Nguyễn Hà Chi	12/08/2014	Nữ	BH	P.45	62.00	
4	1210	Nguyễn Khánh Chi	12/2/2014	Nữ	TB	P.45	69.00	
5	1211	Nguyễn Phương Chi	15/4/2014	Nữ	BM	P.45	60.50	
6	1212	Nguyễn Quỳnh Chi	13/09/2014	Nữ	BM	P.45	61.00	
7	1213	Nguyễn Quỳnh Chi	18/1/2014	Nữ	BM	P.45	67.25	
8	1214	Nguyễn Quỳnh Chi	18/12/2014	Nữ	PL	P.45	55.00	
9	1215	Nguyễn Quỳnh Chi	30/08/2014	Nữ	NLB	P.45	44.25	
10	1216	Nguyễn Thảo Chi	16/08/2014	Nữ	TQT	P.45	57.50	
11	1217	Nguyễn Bùi Khánh Chi	2/9/2014	Nữ	CT	P.45	62.50	
12	1218	Nguyễn Lương Quỳnh Chi	6/8/2014	Nữ	NT	P.45	57.00	
13	1219	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	04/09/2014	Nữ	NLB	P.45	52.00	
14	1220	Nguyễn Bùi Thảo Chi	17/11/2014	Nữ	PL	P.45	32.75	
15	1221	Phạm Quỳnh Chi	07/01/2014	Nữ	ToH	P.45	52.25	
16	1222	Trần Diệp Chi	21/6/2014	Nữ	TB	P.45	59.25	
17	1223	Trần Linh Chi	19/5/2014	Nữ	NLB	P.45	46.75	
18	1224	Trần Thị Thảo Chi	15/08/2014	Nữ	LTT	P.45	54.25	
19	1225	Vũ Khánh Chi	20/04/2014	Nữ	ToH	P.45	47.75	
20	1226	Vũ Quỳnh Chi	21/02/2014	Nữ	BM	P.45	49.50	
21	1227	Vũ Thảo Chi	09/07/2014	Nữ	ToH	P.45	54.50	
22	1228	Vũ Thị Hà Chi	1/9/2014	Nữ	SM	P.45	69.00	
23	1229	Vũ Lê Quỳnh Chi	18/9/2014	Nữ	BM	P.45	71.50	
24	1230	Vương Hà Chi	2/5/2014	Nữ	ToH	P.45	63.00	
25	1231	Vương Thùy Chi	17/5/2014	Nữ	LTT	P.45	54.00	
26	1232	Lã Huy Chiến	24/11/2014	Nam	NLB	P.45	45.50	
27	1233	Nguyễn Mạnh Cường	23/7/2014	Nam	BM	P.45	54.00	
28	1234	Đoàn Quốc Đại	29/11/2014	Nam	BM	P.45	53.00	

TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
GIÁO DỤC TRƯỞNG PHÒNG
VÀ ĐÀO TẠO
Nguyễn Diễm Linh

ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	1235	Vũ Thành Đại	19/11/2014	Nam	VTS	P.46	65.50	
2	1236	Lê Hải Đăng	28/4/2014	Nam	CVA	P.46	55.00	
3	1237	Lê Hải Đăng	28/5/2014	Nam	LTT	P.46	64.00	
4	1238	Nguyễn Hải Đăng	4/3/2014	Nam	ThB	P.46	60.25	
5	1239	Nguyễn Hồng Đăng	25/12/2014	Nam	NT	P.46	61.25	
6	1240	Bùi Tiến Đạt	25/2/2014	Nam	BM	P.46	61.75	
7	1241	Đoàn Tuấn Đạt	28/08/2014	Nam	HT	P.46	58.25	
8	1242	Nguyễn Thái Đạt	10/12/2014	Nam	LTT	P.46	53.50	
9	1243	Nguyễn Thành Đạt	16/07/2014	Nam	NT	P.46	42.00	
10	1244	Nguyễn Ánh Diệp	09/07/2014	Nữ	NT	P.46	47.00	
11	1245	Nguyễn Ngọc Diệp	27/07/2014	Nữ	TB	P.46	51.75	
12	1246	Nguyễn Ngọc Diệp	21/5/2014	Nữ	CVA	P.46	54.50	
13	1247	Nguyễn Ngọc Diệp	25/4/2014	Nữ	BH	P.46	46.25	
14	1248	Nguyễn Ngọc Diệp	23/05/2014	Nữ	BM	P.46	50.50	
15	1249	Trần Ngọc Diệp	18/9/2014	Nữ	ThB	P.46	48.25	
16	1250	Vũ Ngọc Diệp	04/04/2014	Nữ	TB	P.46	62.50	
17	1251	Hoàng Cử Doanh	4/7/2014	Nam	NT	P.46	62.00	
18	1252	Lê Quyền Đức	27/9/2014	Nam	HT	P.46	55.25	
19	1253	Nguyễn Minh Đức	2/8/2014	Nam	BM	P.46	53.50	
20	1254	Nguyễn Xuân Đức	11/1/2014	Nam	ToH	P.46	69.50	
21	1255	Phạm Anh Đức	17/2/2014	Nam	NT	P.46	61.25	
22	1256	Phạm Minh Đức	01/10/2014	Nam	NLB	P.46	58.25	
23	1257	Vũ Minh Đức	28/10/2014	Nam	NT	P.46	50.25	
24	1258	Phạm Thùy Dung	22/02/2014	Nữ	VTS	P.46	63.00	
25	1259	Cao Tiến Dũng	28/5/2014	Nam	BM	P.46	43.75	
26	1260	Đào Xuân Dũng	21/10/2014	Nam	NgC	P.46	51.25	
27	1261	Đỗ Đại Dũng	20/02/2014	Nam	NT	P.46	49.50	
28	1262	Đỗ Tiến Dũng	5/11/2014	Nam	SM X.H.C.A	P.46	62.00	

TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
VÀ ĐÀO TẠO TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Diệu Linh

ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	1263	Mai Trung Dũng	23/6/2014	Nam	CVA	P.47	54.75	
2	1264	Nguyễn Trung Dũng	19/02/2014	Nam	ToH	P.47	53.75	
3	1265	Vũ Dương Việt Dũng	18/2/2014	Nam	NLB	P.47	56.00	
4	1266	Vương Minh Dũng	25/9/2014	Nam	ThB	P.47	51.75	
5	1267	Hoàng Thùy Dương	28/04/2014	Nữ	ThB	P.47	48.50	
6	1268	Nguyễn Bình Dương	03/11/2014	Nam	NLB	P.47	58.25	
7	1269	Nguyễn Khắc Dương	23/03/2014	nam	NLB	P.47	58.50	
8	1270	Nguyễn Quý Dương	03/09/2014	Nam	TB	P.47	59.00	
9	1271	Nguyễn Thùy Dương	8/7/2014	Nữ	NT	P.47	62.75	
10	1272	Nguyễn Vũ Thành Dương	21/3/2014	Nam	BM	P.47	56.50	
11	1273	Vũ Lê Đăng Dương	25/05/2014	Nam	VTs	P.47	46.50	
12	1274	Nguyễn Nguyên Duy	9/7/2014	Nam	NgC	P.47	69.75	
13	1275	Nguyễn Tuấn Duy	13/7/2014	Nam	ThB	P.47	69.00	
14	1276	Phạm Anh Duy	08/01/2014	Nam	ThB	P.47	53.75	
15	1277	Phạm Bảo Duy	23/9/2014	Nam	NT	P.47	51.00	
16	1278	Bùi Hương Giang	24/12/2014	Nữ	NLB	P.47	63.50	
17	1279	Lê Hương Giang	12/2/2014	Nữ	ThB	P.47	67.00	
18	1280	Trương Khánh Giang	6/5/2014	Nữ	TB	P.47	65.50	
19	1281	Đỗ Thị Quỳnh Giao	9/6/2014	Nữ	TM	P.47	55.50	
20	1282	Nguyễn Ngân Hà	27/11/2014	Nữ	ThB	P.47	46.75	
21	1283	Nguyễn Nguyệt Hà	7/10/2014	Nữ	ThB	P.47	59.50	
22	1284	Nguyễn Nhật Hà	24/1/2014	Nữ	LTT	P.47	68.75	
23	1285	Phạm Thái Hà	08/01/2014	Nữ	NT	P.47	37.75	
24	1286	Phạm Thanh Hà	15/9/2014	Nữ	ThB	P.47	38.25	
25	1287	Phạm Trần Ngân Hà	19/01/2014	Nữ	ĐVT	P.47	58.75	
26	1288	Trần Thị Ngân Hà	12/06/2014	Nữ	HT	P.47	45.25	
27	1289	Trần Nhật Hạ	20/1/2014	Nữ	NLB	P.47	65.50	
28	1290	Nguyễn Lê Nam Hải	11/10/2014	Nam	TM	P.47	43.00	

TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG PHÒNG
Nguyễn Diên Linh

ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	1291	Đinh Gia Hân	21/03/2014	Nữ	TH	P.48	22.50	
2	1292	Đỗ Gia Hân	19/09/2014	Nữ	LTT	P.48	56.75	
3	1293	Ngô Bảo Hân	11/06/2014	Nữ	ThB	P.48	57.25	
4	1294	Ngô Bảo Hân	30/10/2014	Nữ	NLB	P.48	68.75	
5	1295	Nguyễn Thị Tuyết Hân	1/10/2014	Nữ	ThB	P.48	63.00	
6	1296	Phạm Ngọc Bảo Hân	17/10/2014	Nữ	NLB	P.48	44.25	
7	1297	Phan Lưu Ngọc Hân	13/12/2014	Nữ	TQT	P.48	59.00	
8	1298	Phùng Gia Hân	17/7/2014	Nữ	CVA	P.48	59.75	
9	1299	Trần Thái Bảo Hân	3/11/2014	Nữ	ĐQC	P.48	38.25	
10	1300	Nghiêm Mỹ Hạnh	16/9/2014	Nữ	BM	P.48	56.00	
11	1301	Đoàn Quý Hậu	27/09/2014	Nam	VTS	P.48	56.50	
12	1302	Cao Thu Hiền	29/10/2014	Nữ	BM	P.48	64.00	
13	1303	Phạm Thu Hiền	20/07/2014	Nữ	ĐQC	P.48	55.50	
14	1304	Phạm Thị Thanh Hiền	10/12/2014	Nữ	NLB	P.48	23.50	
15	1305	Lê Quý Hiền	9/10/2014	Nam	LTT	P.48	70.00	
16	1306	Nguyễn Minh Hiền	30/05/2014	Nam	NT	P.48	49.50	
17	1307	Trần Quang Hiệp	7/10/2014	Nam	NLB	P.48	67.00	
18	1308	Lương Minh Hiếu	11/2/2014	Nam	NT	P.48	65.50	
19	1309	Nguyễn Khắc Hiếu	17/04/2014	Nam	BM	P.48	42.50	
20	1310	Nguyễn Duy Minh Hiếu	28/10/2014	Nam	BM	P.48	61.75	
21	1311	Đặng Nguyễn Kim Hoa	8/9/2014	Nữ	LTT	P.48	53.50	
22	1312	Hoàng Ngọc Phương Hoa	29/08/2014	Nữ	BM	P.48	66.75	
23	1313	Nguyễn Thị Kim Hoa	6/11/2014	Nữ	NLB	P.48	63.00	
24	1314	Nguyễn Văn Vũ Hòa	25/8/2014	Nam	TB	P.48	61.75	
25	1315	Bùi Huy Hoàng	15/8/2014	Nam	VH	P.48	41.75	
26	1316	Nguyễn Việt Hoàng	05/09/2014	Nam	LTT	P.48	63.50	
27	1317	Nguyễn Văn Huân	26/03/2014	Nam	BM	P.48	38.50	
28	1318	Bùi Quang Hưng	03/02/2014	Nam	LTT	P.48	64.00	

TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025

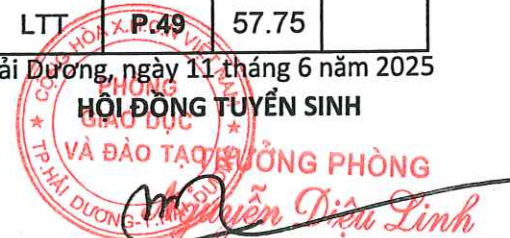
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
TRƯỜNG PHÒNG
GIÁO DỤC
VÀ ĐÀO TẠO
TP HẢI DƯƠNG
Nguyễn Diệu Linh

ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	1319	Nguyễn Thành Hưng	3/11/2014	Nam	ThB	P.49	55.25	
2	1320	Phú Ngọc Hưng	18/1/2014	Nam	ThB	P.49	62.50	
3	1321	Vũ Trọng Hưng	08/05/2014	Nam	VTS	P.49	58.50	
4	1322	Đoàn Thanh Hương	25/07/2014	Nữ	HT	P.49	59.25	
5	1323	Nguyễn Thị Thanh Hương	5/2/2014	Nữ	ThB	P.49	61.50	
6	1324	Trần Thị Lan Hương	11/12/2014	Nữ	TM	P.49	49.75	
7	1325	Nguyễn Đình Bảo Huy	29/7/2014	Nam	NLB	P.49	62.50	
8	1326	Nguyễn Đức Huy	20/6/2014	Nam	CT	P.49	59.25	
9	1327	Nguyễn Đức Huy	06/03/2014	Nam	ToH	P.49	63.00	
10	1328	Nguyễn Hữu Huy	12/9/2014	Nam	TB	P.49	51.25	
11	1329	Võ Gia Huy	18/4/2014	Nam	NLB	P.49	60.75	
12	1330	Vũ Đăng Huy	29/06/2014	Nam	BM	P.49	41.75	
13	1331	Vũ Tiến Huy	23/04/2014	Nam	ThB	P.49	61.25	
14	1332	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	06/04/2014	Nữ	VTS	P.49	53.50	
15	1333	Phạm Minh Huyền	10/12/2014	Nữ	VTS	P.49	63.50	
16	1334	Nguyễn Công Huynh	14/4/2014	Nam	BH	P.49	65.00	
17	1335	Trần Thế Khải	20/10/2014	Nam	ThB	P.49	58.00	
18	1336	Hà Minh Khang	6/9/2014	Nam	LTT	P.49	55.00	
19	1337	Hoàng Minh Khang	4/4/2014	Nam	ThB	P.49	59.50	
20	1338	Hoàng Minh Khang	2/5/2014	Nam	ThB	P.49	51.00	
21	1339	Hoàng Ngọc Khang	10/1/2014	Nam	ThB	P.49	68.25	
22	1340	Phạm Bảo Khang	05/03/2014	Nam	NLB	P.49	62.50	
23	1341	Phạm Nguyễn Phúc Khang	9/7/2014	Nam	BM	P.49	54.00	
24	1342	Sun Uy Khang	20/5/2014	Nam	NT	P.49	59.50	
25	1343	Nguyễn Tấn Khanh	23/9/2014	Nam	HT	P.49	66.50	
26	1344	Bùi Duy An Khánh	19/09/2014	Nam	ĐVT	P.49	58.25	
27	1345	Bùi Bảo Khánh	27/10/2014	Nam	LTT	P.49	55.00	
28	1346	Chu Gia Khánh	15/8/2014	Nam	LTT	P.49	57.75	

TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025

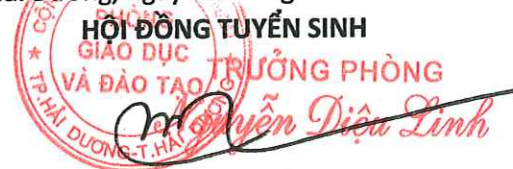
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	1347	Hồ Ngân Khánh	29/10/2014	Nữ	HT	P.50	54.25	
2	1348	Lê Kim Khánh	1/2/2014	Nữ	BM	P.50	65.00	
3	1349	Nguyễn Đức Gia Khánh	16/08/2014	Nam	NgC	P.50	45.00	
4	1350	Nguyễn Tự Khánh	15/1/2014	Nam	LTT	P.50	66.25	
5	1351	Phạm Ngân Khánh	13/12/2014	Nữ	ĐVT	P.50	64.00	
6	1352	Phùng Gia Khánh	17/4/2014	Nam	LTT	P.50	60.50	
7	1353	Trần Gia Khánh	18/1/2014	Nam	LTT	P.50	59.25	
8	1354	Vũ Văn Khánh	10/01/2014	Nữ	VTS	P.50	57.50	
9	1355	Bùi Minh Anh Khoa	4/1/2014	Nam	TB	P.50	54.00	
10	1356	Đào Ngọc Khoa	28/10/2014	Nam	NLB	P.50	30.25	
11	1357	Đỗ Nhật Khoa	21/11/2014	Nam	BM	P.50	65.75	
12	1358	Lê Minh Khoa	23/6/2014	Nam	TB	P.50	49.50	
13	1359	Nguyễn Đức Đăng Khoa	11/12/2014	Nam	NT	P.50	49.50	
14	1360	Nguyễn Đăng Khoa	4/3/2014	Nam	ThB	P.50	53.25	
15	1361	Đoàn Minh Khôi	9/10/2014	Nam	NT	P.50	64.50	
16	1362	Nguyễn Hoàng Khôi	22/12/2014	Nam	VTS	P.50	59.50	
17	1363	Đỗ Trần Minh Khuê	19/6/2014	Nữ	NLB	P.50	64.00	
18	1364	Đoàn Ngọc Khuê	9/9/2014	Nam	BM	P.50	58.00	
19	1365	Phạm Minh Khuê	12/7/2014	Nữ	TB	P.50	60.00	
20	1366	Hoàng Trung Kiên	4/1/2014	Nam	NLB	P.50	67.50	
21	1367	Nguyễn Trọng Kiên	29/5/2014	Nam	NT	P.50	63.50	
22	1368	Phan Duy Kiên	4/5/2014	Nam	VTS	P.50	66.50	
23	1369	Vũ Hữu Kiên	11/6/2014	Nam	ToH	P.50	63.00	
24	1370	Đinh Tuấn Kiệt	12/9/2014	Nam	NLB	P.50	62.50	
25	1371	Nguyễn Tuấn Kiệt	18/07/2014	Nam	ĐVT	P.50	35.00	
26	1372	Nguyễn Tuấn Kiệt	06/01/2014	Nam	HT	P.50	30.50	
27	1373	Trịnh Đỗ Tuấn Kiệt	14/4/2014	Nam	TM	P.50	58.00	
28	1374	Vũ Anh Kiệt	27/07/2014	Nam	TB	P.50	57.00	

TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025



ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	1375	Nguyễn Trường Kỳ	15/2/2014	Nam	TB	P.51	67.00	
2	1376	Đinh Ngọc Lâm	14/8/2014	Nam	BH	P.51	51.00	
3	1377	Nguyễn Tùng Lâm	16/07/2014	Nam	LTT	P.51	56.00	
4	1378	Nguyễn Trương Tuệ Lâm	5/7/2014	Nữ	CVA	P.51	62.00	
5	1379	Nguyễn Huy Tùng Lâm	18/01/2014	Nam	SM	P.51	40.00	
6	1380	Nguyễn Hải Uyên Lâm	23/7/2014	Nữ	CVA	P.51	54.00	
7	1381	Phạm Đăng Lâm	10/1/2014	Nam	ThB	P.51	64.75	
8	1382	Phạm Gia Lâm	17/03/2014	Nam	VTS	P.51	60.00	
9	1383	Phạm Hoàng Lan	8/12/2004	Nữ	NLB	P.51	51.75	
10	1384	Bùi Đăng Cẩm Linh	25/10/2014	Nữ	NLB	P.51	58.25	
11	1385	Bùi Phương Linh	27/2/2014	Nữ	CVA	P.51	63.25	
12	1386	Bùi Thảo Linh	24/6/2014	Nữ	NLB	P.51	59.50	
13	1387	Cao Vũ Bảo Linh	10/8/2014	Nữ	LTT	P.51	62.00	
14	1388	Đặng Khánh Linh	3/9/2014	Nữ	BM	P.51	47.25	
15	1389	Đào Khánh Linh	12/01/2014	Nữ	CT	P.51	51.00	
16	1390	Đinh Diệu Linh	11/3/2014	Nữ	NT	P.51	52.00	
17	1391	Đinh Gia Linh	02/01/2014	Nữ	ToH	P.51	39.50	
18	1392	Đoàn Gia Linh	11/05/2014	Nữ	TB	P.51	65.00	
19	1393	Hồ Trúc Linh	16/12/2014	Nữ	LTT	P.51	56.75	
20	1394	Hoàng Dương Bảo Linh	8/1/2014	Nữ	ĐVT	P.51	71.50	
21	1395	Lê Hoàng Bảo Linh	17/07/2014	Nữ	ToH	P.51	64.75	
22	1396	Luân Lê Khánh Linh	29/1/2014	Nữ	ThB	P.51	61.50	
23	1397	Nguyễn Hà Linh	17/2/2014	Nữ	BM	P.51	57.50	
24	1398	Nguyễn Ngọc Linh	8/1/2014	Nữ	NT	P.51	62.75	
25	1399	Nguyễn Phương Linh	08/03/2014	Nữ	SM	P.51	44.25	
26	1400	Nông Khánh Linh	6/12/2014	Nữ	NT	P.51	57.50	
27	1401	Phạm Khánh Gia Linh	2/9/2014	Nữ	LTT	P.51	32.00	
28	1402	Phạm Khánh Linh	28/8/2014	Nữ	BM	P.51	70.00	

TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO PHÒNG
TP. HẢI DƯƠNG
Nguyễn Diệu Linh

ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	1403	Phạm Phương Linh	14/11/2014	Nữ	NgC	P.52	69.75	
2	1404	Phạm Việt Linh	29/9/2014	Nam	NLB	P.52	56.00	
3	1405	Trương Thảo Linh	17/7/2014	Nữ	BM	P.52	69.00	
4	1406	Vũ Thị Khánh Linh	04/08/2014	Nữ	BM	P.52	44.00	
5	1407	Vũ Khánh Linh	25/01/2014	Nữ	VTs	P.52	54.75	
6	1408	Vũ Nguyễn Thảo Linh	6/2/2014	Nữ	VTs	P.52	68.75	
7	1409	Bùi Minh Lộc	20/06/2014	Nam	LTT	P.52	62.75	
8	1410	Lê Lâm Trường Long	26/4/2014	Nam	ĐVT	P.52	62.50	
9	1411	Lý Thành Long	09/03/2014	Nam	LTT	P.52	56.75	
10	1412	Nguyễn Thành Long	17/09/2014	Nam	NLB	P.52	51.75	
11	1413	Đinh NghiêM Phương Mai	25/7/2014	Nữ	NT	P.52	57.75	
12	1414	Nguyễn Ngọc Mai	12/9/2014	Nữ	NT	P.52	70.25	
13	1415	Trần Ngọc Chi Mai	10/4/2014	Nữ	LTT	P.52	59.00	
14	1416	Phan Đình Mạnh	6/7/2014	Nam	ThB	P.52	38.00	
15	1417	Vũ Hà Mi	01/04/2014	Nữ	ThB	P.52	62.25	
16	1418	Bùi Quang Minh	31/8/2014	Nam	ĐVT	P.52	60.25	
17	1419	Bùi Nguyễn Thảo Minh	29/04/2014	Nữ	HT	P.52	66.00	
18	1420	Đàm Bình Minh	11/4/2014	Nam	TK	P.52	65.25	
19	1421	Đặng Hoàng Minh	01/10/2014	Nam	BM	P.52	50.00	
20	1422	Đào Vũ Bình Minh	10/06/2014	Nam	BM	P.52	64.00	
21	1423	Đoàn Vũ Bình Minh	19/10/2014	Nam	BM	P.52	52.25	
22	1424	Hà Lê Gia Minh	14/12/2014	Nam	NLB	P.52	60.25	
23	1425	Hoàng Nhật Minh	7/1/2014	Nam	NgC	P.52	61.00	
24	1426	Lê Nhật Minh	05/10/2014	Nam	NgC	P.52	59.75	
25	1427	Lê Thu Minh	28/4/2014	Nữ	ToH	P.52	59.50	
26	1428	Lê Tuệ Minh	2/9/2014	Nữ	HT	P.52	58.25	
27	1429	Ngô Quang Minh	11/9/2014	Nam	LTT	P.52	70.50	
28	1430	Nguyễn Anh Minh	23/5/2014	Nam	BM	P.52	66.75	

TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Diệu Linh

ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	1431	Nguyễn Nhật Minh	6/8/2014	Nữ	NLB	P.53	65.25	
2	1432	Nguyễn Nhật Minh	30/08/2014	Nam	LTT	P.53	61.50	
3	1433	Nguyễn Quang Minh	20/07/2014	Nam	VTS	P.53	69.75	
4	1434	Nguyễn Quốc Minh	14/05/2014	Nam	ĐQC	P.53	58.50	
5	1435	Nguyễn Tuấn Minh	24/04/2014	Nam	BM	P.53	54.50	
6	1436	Nguyễn Tuệ Minh	14/06/2014	Nam	HT	P.53	64.75	
7	1437	Nguyễn Xuân Minh	05/03/2014	Nam	BM	P.53	58.75	
8	1438	Nguyễn Hồ Quang Minh	25/1/2014	Nam	LTT	P.53	56.75	
9	1439	Phạm Bình Minh	13/11/2014	Nam	TB	P.53	58.00	
10	1440	Phạm Đăng Minh	1/2/2014	Nam	TQT	P.53	59.25	
11	1441	Phạm Đức Minh	13/03/2014	Nam	NgC	P.53	52.25	
12	1442	Phạm Hải Minh	04/11/2014	Nam	ToH	P.53	54.00	
13	1443	Tăng Thu Minh	29/03/2014	Nữ	ThB	P.53	52.75	
14	1444	Trần Bình Minh	08/08/2014	Nam	NLB	P.53	62.50	
15	1445	Trần Đức Minh	27/12/2014	Nam	ToH	P.53	66.25	
16	1446	Trần Đức Minh	19/8/2014	Nam	TB	P.53	67.00	
17	1447	Vũ Nhật Minh	18/08/2014	Nam	TH	P.53	49.25	
18	1448	Vũ Quang Minh	20/6/2014	Nam	CT	P.53	60.75	
19	1449	Vũ Quang Minh	7/4/2014	Nam	BM	P.53	59.25	
20	1450	Đào Hà My	22/04/2014	Nữ	TM	P.53	42.00	
21	1451	Đinh Diễm My	26/2/2014	Nữ	LTT	P.53	63.25	
22	1452	Đỗ Hà My	26/08/2014	Nữ	NT	P.53	51.50	
23	1453	Nguyễn Ngọc Hà My	2/4/2014	Nữ	NLB	P.53	50.25	
24	1454	Nguyễn Hà My	25/3/2014	Nữ	LTT	P.53	60.50	
25	1455	Mạc Đức Thành Nam	15/01/2014	Nam	ThB	P.53	52.75	
26	1456	Nguyễn Hoài Nam	19/12/2014	Nam	TM	P.53	55.50	
27	1457	Trần Hải Nam	22/1/2014	Nam	NLB	P.53	69.25	
28	1458	Võ Phú Nhật Nam	15/7/2014	Nam	TB	P.53	55.25	

TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025



ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	1459	Bùi Nguyễn Hoàng Ngân	09/08/2014	Nữ	NgC	P.54	55.00	
2	1460	Đặng Thị Kim Ngân	25/03/2014	Nữ	NLB	P.54	47.75	
3	1461	Đinh Minh Hồng Ngân	6/12/2014	Nữ	BM	P.54	64.50	
4	1462	Đỗ Thanh Ngân	16/01/2014	Nữ	NT	P.54	47.00	
5	1463	Đoàn Thị Kim Ngân	16/9/2014	Nữ	VTs	P.54	65.00	
6	1464	Hoàng Linh Ngân	9/4/2014	Nữ	TM	P.54	56.00	
7	1465	Hoàng Thanh Ngân	26/01/2014	Nữ	LTT	P.54	66.25	
8	1466	Nguyễn Thị Hoàng Ngân	27/01/2014	Nữ	TQT	P.54	66.75	
9	1467	Nguyễn Thị Kim Ngân	16/5/2014	Nữ	TM	P.54	59.25	
10	1468	Nguyễn Bảo Ngân	15/1/2014	Nữ	NLB	P.54	66.00	
11	1469	Nguyễn Khả Ngân	14/7/2014	Nữ	TB	P.54	61.00	
12	1470	Phạm Nguyễn Khánh Ngân	16/9/2014	Nữ	NLB	P.54	58.50	
13	1471	Phạm Phương Ngân	31/5/2014	Nữ	NLB	P.54	49.00	
14	1472	Văn Hoàng Kim Ngân	31/07/2014	Nữ	ToH	P.54	57.00	
15	1473	Vũ Phương Ngân	29/8/2014	Nữ	HT	P.54	56.50	
16	1474	Phạm Đức Minh Nghĩa	9/4/2014	Nam	BH	P.54	65.50	
17	1475	Nguyễn Dương Bảo Ngọc	10/5/2014	Nữ	LTT	P.54	63.50	
18	1476	Nguyễn Hà Minh Ngọc	28/11/2014	Nữ	SM	P.54	64.00	
19	1477	Nguyễn Bảo Ngọc	1/9/2014	Nữ	NgC	P.54	62.00	
20	1478	Nguyễn Khánh Ngọc	14/09/2014	Nữ	BM	P.54	48.00	
21	1479	Nguyễn Khánh Ngọc	2/7/2014	Nữ	ThB	P.54	56.00	
22	1480	Nguyễn Khánh Ngọc	11/7/2014	Nữ	AQ	P.54	62.00	
23	1481	Nguyễn Khánh Ngọc	27/02/2014	Nữ	NLB	P.54	57.00	
24	1482	Nguyễn Quỳnh Ngọc	30/7/2014	Nữ	TB	P.54	62.00	
25	1483	Phạm Bảo Ngọc	20/12/2014	Nữ	VTs	P.54	56.50	
26	1484	Phạm Khánh Ngọc	01/03/2014	Nữ	TH	P.54	52.50	
27	1485	Phạm Khánh Ngọc	26/07/2014	Nữ	HT	P.54	66.50	
28	1486	Trần Quang Ngọc	12/12/2014	Nam	NT	P.54	58.00	

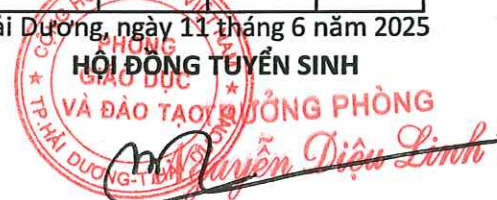
TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
KHOA GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG PHÒNG
Nguyễn Diệu Linh

ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	1487	Cao Nguyễn Thảo Nguyên	6/11/2014	Nữ	NLB	P.55	59.25	
2	1488	Đặng Thảo Nguyên	27/5/2014	Nữ	NLB	P.55	58.25	
3	1489	Đồng Minh Sĩ Nguyên	13/03/2014	Nam	TB	P.55	57.00	
4	1490	Lưu Đức Nguyên	7/1/2014	Nam	TB	P.55	60.50	
5	1491	Phạm Khôi Nguyên	24/4/2014	Nam	LTT	P.55	64.00	
6	1492	Phạm Khôi Nguyên	8/1/2014	Nam	ThB	P.55	53.50	
7	1493	Trần Bình Nguyên	4/7/2014	Nam	NLB	P.55	63.25	
8	1494	Vũ Đức Đăng Nguyên	14/05/2014	Nam	BH	P.55	46.00	
9	1495	Vũ Nguyễn Thảo Nguyên	30/10/2014	Nữ	NT	P.55	57.50	
10	1496	Nguyễn Đức Thành Nhân	22/2/2014	Nam	BM	P.55	54.00	
11	1497	Bùi Lê Yến Nhi	22/1/2014	Nữ	BM	P.55	57.00	
12	1498	Dương Thảo Nhi	17-7--14	Nữ	SM	P.55	67.50	
13	1499	Kiều Phương Nhi	3/9/2014	Nữ	BM	P.55	63.50	
14	1500	Nguyễn Ngọc An Nhi	24/07/2014	Nữ	ToH	P.55	41.50	
15	1501	Nguyễn Diệu Nhi	16/8/2014	Nữ	VH	P.55	63.00	
16	1502	Nguyễn Thảo Nhi	10/10/2014	Nữ	ToH	P.55	55.75	
17	1503	Nguyễn Uyên Nhi	05/10/2014	Nữ	ĐQC	P.55	54.75	
18	1504	Phạm Thảo Nhi	17/11/2014	Nữ	TB	P.55	55.50	
19	1505	Phạm Yến Nhi	3/9/2014	Nữ	LTT	P.55	56.00	
20	1506	Phạm Thị Thảo Nhi	03/04/2014	Nữ	BH	P.55	58.00	
21	1507	Vũ Thảo Nhi	21/11/2014	Nữ	LTT	P.55	63.50	
22	1508	Quách An Nhiên	17/1/2014	Nữ	SM	P.55	60.00	
23	1509	Phạm Uyên Như	26/12/2014	Nữ	NLB	P.55	44.50	
24	1510	Bùi Vũ Hải Ninh	30/06/2014	Nam	SM	P.55	41.50	
25	1511	Trịnh Tấn Phát	28/1/2014	Nam	ThB	P.55	62.50	
26	1512	Bùi Văn Phong	25/08/2014	Nam	BM	P.55	63.00	
27	1513	Cù Hải Phong	26/11/2014	Nam	ThB	P.55	59.00	
28	1514	Đặng Hải Phong	16/07/2014	Nam	BM	P.55	55.75	

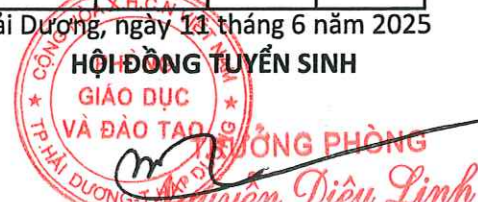
TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025



ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	1515	Nguyễn Huy Nam Phong	15/1/2014	Nam	LTT	P.56	63.50	
2	1516	Nguyễn Lâm Phong	30/1/2014	Nam	LTT	P.56	63.50	
3	1517	Nguyễn Nam Phong	11/09/2014	Nam	TB	P.56	54.75	
4	1518	Nguyễn Việt Phong	10/03/2014	Nam	NgC	P.56	52.75	
5	1519	Nguyễn Công Tuấn Phong	22/7/2014	Nam	ToH	P.56	57.25	
6	1520	Nguyễn Đình Tuấn Phong	1/2/2014	Nam	NLB	P.56	64.00	
7	1521	Nguyễn Phúc Tuấn Phong	5/2/2014	Nam	TB	P.56	65.25	
8	1522	Phạm Vân Phong	04/01/2014	Nam	ThB	P.56	58.75	
9	1523	Phùng Triệu Phong	11/02/2014	Nam	LTT	P.56	61.75	
10	1524	Trần Khải Phong	6/3/2014	Nam	ToH	P.56	64.75	
11	1525	Trần Danh Thanh Phong	27/04/2014	Nam	NT	P.56	70.75	
12	1526	Vũ Hữu Hải Phong	25/09/2014	Nam	NT	P.56	52.50	
13	1527	Cao Bảo Phúc	11/2/2014	Nam	BM	P.56	64.50	
14	1528	Hoàng Xuân Phúc	26/1/2014	Nam	ThB	P.56	67.75	
15	1529	Ngô Bảo Phúc	4/6/2014	Nam	SM	P.56	68.00	
16	1530	Nguyễn Đức Hoàng Phúc	14/1/2014	Nam	VTs	P.56	68.25	
17	1531	Nguyễn Vũ Minh Phúc	06/06/2014	Nam	LTT	P.56	57.00	
18	1532	Nguyễn Bảo Phúc	19/4/2014	Nam	LTT	P.56	69.50	
19	1533	Nguyễn Gia Phúc	10/04/2014	Nam	NT	P.56	64.50	
20	1534	Nguyễn Quang Phúc	06/01/2014	Nam	BM	P.56	66.75	
21	1535	Nguyễn Thiên Phúc	2/3/2014	Nam	NT	P.56	62.75	
22	1536	Tiêu Hà An Phúc	28/02/2014	Nam	CT	P.56	37.50	
23	1537	Vũ Bảo Phúc	26/8/2014	Nam	LTT	P.56	58.50	
24	1538	Vũ Hoàng Phúc	28/1/2014	Nam	LTT	P.56	64.00	
25	1539	Nguyễn Nhật Phương	20/9/2014	Nữ	NLB	P.56	64.00	
26	1540	Vũ Hà Phương	17/6/2014	Nữ	NLB	P.56	62.75	
27	1541	Vũ Mai Phương	26/04/2014	Nữ	NT	P.56	52.75	
28	1542	Nguyễn Thanh Phương	25/02/2014	Nữ	NT	P.56	60.00	

TP Hải Dương, ngày 14 tháng 6 năm 2025



DIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	1543	Hoàng Vũ Minh Quân	31/12/2014	Nam	HT	P.57	61.75	
2	1544	Đặng Ngọc Duy Quang	12/3/2014	Nam	NLB	P.57	64.25	
3	1545	Đặng Ngọc Minh Quang	12/3/2014	Nam	NLB	P.57	63.75	
4	1546	Nguyễn Trường Nhật Quang	10/2/2014	Nam	LTT	P.57	67.25	
5	1547	Nguyễn Danh Quang	28/11/2014	Nam	TH	P.57	64.25	
6	1548	Nguyễn Triệu Quang	30/01/2014	Nam	ToH	P.57	58.75	
7	1549	Trần Đại Quang	1/2/2014	Nam	TQT	P.57	56.00	
8	1550	Trần Minh Quang	9/3/2014	Nam	VTs	P.57	68.75	
9	1551	Vũ Gia Quang	21/04/2014	Nam	HT	P.57	63.00	
10	1552	Vũ Minh Quang	08/06/2014	Nam	NT	P.57	57.25	
11	1553	Nghiêm Bảo Quyên	25/1/2014	Nữ	TB	P.57	58.25	
12	1554	Nguyễn Như Quỳnh	17/7/2014	Nữ	BM	P.57	61.25	
13	1555	Nguyễn Cao Bảo Sơn	6/9/2014	Nam	NT	P.57	70.25	
14	1556	Nguyễn Thái Sơn	9/11/2014	Nam	CVA	P.57	56.25	
15	1557	Vũ Trí Sơn	19/10/2014	Nam	NgC	P.57	63.50	
16	1558	Nguyễn Đức Tài	04/04/2014	Nam	TB	P.57	57.50	
17	1559	Phạm Thanh Tâm	24/07/2014	Nữ	NgC	P.57	54.00	
18	1560	Nguyễn Quốc Thắng	27/08/2014	Nam	BM	P.57	58.50	
19	1561	Nguyễn Duy Thanh	25/6/2014	Nam	BM	P.57	49.50	
20	1562	Hoàng Minh Thành	9/9/2014	Nam	NLB	P.57	66.25	
21	1563	Nguyễn Kim Nhật Thành	17/2/2014	Nam	BM	P.57	61.50	
22	1564	Nguyễn Đình Thành	16/1/2014	Nam	VTs	P.57	61.50	
23	1565	Nguyễn Duy Thành	25/6/2014	Nam	BM	P.57	49.75	
24	1566	Nguyễn Vượng Thành	22/5/2014	Nam	LTT	P.57	59.75	
25	1567	Phạm Nhật Thành	1/8/2014	Nam	LTT	P.57	62.75	
26	1568	Trần Thế Thành	26/1/2014	Nam	NLB	P.57	70.75	
27	1569	Bùi Thị Phương Thảo	15/11/2014	Nữ	NgC	P.57	43.75	
28	1570	Bùi Ngọc Thảo	28/5/2014	Nữ	LTT	P.57	60.50	

TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TP HẢI DƯƠNG
Nguyễn Diên Linh

ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	1571	Bùi Như Thảo	28/05/2014	Nữ	ToH	P.58	40.25	
2	1572	Phạm Gia Thảo	12/10/2014	Nam	ThB	P.58	43.75	
3	1573	Phạm Thanh Thảo	8/2/2014	Nữ	LTT	P.58	61.50	
4	1574	Trần Hoàng Phương Thảo	1/2/2014	Nữ	NgC	P.58	68.00	
5	1575	Trần Thanh Thảo	4/3/2014	Nữ	LTT	P.58	61.25	
6	1576	Nguyễn Chí Thiện	12/07/2014	Nam	HT	P.58	66.00	
7	1577	Nguyễn Đức Thịnh	11/11/2014	Nam	VH	P.58	61.75	
8	1578	Nguyễn Anh Thơ	9/8/2014	Nữ	NLB	P.58	62.75	
9	1579	Lê Hà Thư	4/1/2014	Nữ	BM	P.58	66.25	
10	1580	Nguyễn Anh Thư	17/5/2014	Nữ	CT	P.58	55.50	
11	1581	Nguyễn Anh Thư	24/2/2014	Nữ	BM	P.58	62.50	
12	1582	Trần Hùng Thuận	22/4/2014	Nam	ĐVT	P.58	61.25	
13	1583	Đàm Nguyễn Thủy Tiên	18/03/2014	Nữ	NT	P.58	45.00	
14	1584	Lê Minh Tiến	12/9/2014	Nam	ToH	P.58	67.50	
15	1585	Nguyễn Trần Minh Tiến	19/3/2014	Nam	TB	P.58	67.75	
16	1586	Phạm Bảo Minh Tiến	3/7/2014	Nam	LTT	P.58	59.50	
17	1587	Trần Việt Tiến	22/7/2014	Nam	BM	P.58	53.50	
18	1588	Nguyễn Tiến Toàn	23/09/2014	Nam	BM	P.58	58.75	
19	1589	Đặng Bảo Trâm	11/8/2014	Nữ	TB	P.58	70.50	
20	1590	Đào Ngọc Huyền Trang	28/4/2014	Nữ	TB	P.58	54.50	
21	1591	Nguyễn Ngọc Huyền Trang	22/3/2014	Nữ	ToH	P.58	58.50	
22	1592	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	04/08/2014	Nữ	NLB	P.58	47.00	
23	1593	Nguyễn Huyền Trang	5/9/2014	Nữ	ĐVT	P.58	51.00	
24	1594	Nguyễn Mai Trang	5/9/2014	Nữ	ĐVT	P.58	68.00	
25	1595	Nguyễn Minh Trang	25/7/2014	Nữ	NLB	P.58	45.75	
26	1596	Trần Quỳnh Trang	16/3/2014	Nữ	BH	P.58	56.25	
27	1597	Trần Thu Trang	10/4/2014	Nữ	NLB	P.58	64.50	
28	1598	Vũ Thị Ngân Trang	1/5/2014	Nữ	BH	P.58	68.25	

TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025



ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	1599	Nguyễn Minh Trí	19/8/2014	Nam	TQT	P.59	60.75	
2	1600	Nguyễn Minh Triết	30/3/2014	Nam	LTT	P.59	55.50	
3	1601	Hoàng Đình Lam Trung	21/10/2014	Nam	LTT	P.59	46.00	
4	1602	Nguyễn Minh Trung	01/08/2014	Nam	BM	P.59	57.75	
5	1603	Nguyễn Minh Trung	09/09/2014	Nam	NgC	P.59	63.00	
6	1604	Nguyễn Thành Trung	09/06/2014	Nam	ToH	P.59	55.00	
7	1605	Hoàng Minh Trường	25/5/2014	Nam	ThB	P.59	67.75	
8	1606	Phạm Anh Tuấn	02/09/2014	Nam	PL	P.59	60.75	
9	1607	Tăng Phúc Tuấn	26/12/2014	Nam	ThB	P.59	67.00	
10	1608	Mạc Thanh Tùng	21/1/2014	Nam	VTs	P.59	66.25	
11	1609	Bùi Thu Uyên	27/03/2014	Nữ	BH	P.59	46.75	
12	1610	Cao Phương Uyên	25/07/2014	Nữ	VH	P.59	49.25	
13	1611	Mai Thư Uyên	25/03/2014	Nữ	VTs	P.59	59.00	
14	1612	Nguyễn Thu Uyên	1/2/2014	Nữ	NT	P.59	59.75	
15	1613	Nguyễn Thu Uyên	13/5/2014	Nữ	CVA	P.59	59.00	
16	1614	Phạm Chúc Uyên	18/2/2014	Nữ	HT	P.59	70.00	
17	1615	Phạm Lâm Uyên	26/8/2014	Nữ	ToH	P.59	66.50	
18	1616	Vũ Thị Tố Uyên	02/10/2014	Nữ	VTs	P.59	46.00	
19	1617	Đỗ Khánh Vân	3/4/2014	Nữ	BH	P.59	64.00	
20	1618	Phạm Khánh Vân	14/01/2014	Nữ	HT	P.59	54.50	
21	1619	Vũ Thừa Văn	31/10/2014	Nam	ToH	P.59	57.00	
22	1620	Trần Ngọc Phương Vi	22/7/2014	Nữ	LTT	P.59	53.00	
23	1621	Hà Quý Vĩ	28/2/2014	Nam	NT	P.59	74.75	
24	1622	Nguyễn Quốc Việt	21/09/2014	Nam	NgC	P.59	68.25	
25	1623	Phạm Hoàng Việt	9/4/2014	Nam	NLB	P.59	57.25	
26	1624	Vũ Tuấn Việt	05/07/2014	Nam	CT	P.59	58.75	
27	1625	Lê Nguyễn Thành Vinh	03/02/2014	Nam	LTT	P.59	42.00	
28	1626	Nguyễn Đình Quang Vinh	5/4/2014	Nam	ThB	P.59	53.50	

TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

VÀ ĐÀO TẠO LƯU PHÒNG

Nguyễn Diệu Linh

ĐIỂM BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Phòng KT	Tổng điểm	Ghi chú
1	1627	Nguyễn Công Vinh	6/8/2014	Nam	NLB	P.60	53.50	
2	1628	Nguyễn Phúc Vinh	30/11/2014	Nam	NT	P.60	52.00	
3	1629	Nguyễn Quang Vinh	20/5/2014	Nam	ThB	P.60	40.50	
4	1630	Nguyễn Quang Vinh	24/3/2014	Nam	ToH	P.60	58.50	
5	1631	Phạm Vũ Tuấn Vinh	20/11/2014	Nam	NLB	P.60	47.00	
6	1632	Trịnh Công Vinh	2/11/2014	Nam	VTs	P.60	62.00	
7	1633	Ngô Xuân Vũ	4/10/2014	Nam	NT	P.60	65.50	
8	1634	Nguyễn Hữu Lâm Vũ An	28/4/2014	Nam	BM	P.60	69.50	
9	1635	Phạm Nguyễn Vũ	18/10/2014	Nam	VTs	P.60	41.25	
10	1636	Trần Lâm Vũ	12/07/2014	Nam	LTT	P.60	56.75	
11	1637	Vũ Anh Vũ	26/01/2014	Nam	ToH	P.60	60.75	
12	1638	Cao Nhật Vy	15/8/2014	Nữ	ThB	P.60	34.75	
13	1639	Đỗ Ngọc Tường Vy	31/1/2014	Nữ	ĐQC	P.60	47.75	
14	1640	Nguyễn Nhật Tường Vy	1/1/2014	Nữ	ThB	P.60	48.00	
15	1641	Nguyễn Yến Vy	12/04/2014	Nữ	HT	P.60	57.00	
16	1642	Phạm Hà Vy	31/10/2014	Nữ	BM	P.60	40.25	
17	1643	Trần Hà Vy	28/1/2014	Nữ	ThB	P.60	52.50	
18	1644	Vũ Ngọc Nguyên Vy	6/10/2014	Nữ	NLB	P.60	60.00	
19	1645	Đinh Bảo Yến	1/4/2014	Nữ	NT	P.60	60.50	
20	1646	Nguyễn Thị Hải Yến	5/7/2014	Nữ	BH	P.60	60.25	
21	1647	Vũ Bảo Yến	7/3/2014	Nữ	LTT	P.60	60.00	

TP Hải Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2025

